

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TỪ
THỰC TIỄN QUẬN HẢI CHÂU,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TỪ
THỰC TIỄN QUẬN HẢI CHÂU,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số : 60.38.01.02**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	6
1.1. Khái niệm về môi trường, đặc điểm và vai trò của môi trường	6
1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò quản lý nhà nước về môi trường	18
1.3. Nội dung quản lý nhà nước về môi trường	28
1.4. Kinh nghiệm của các nước trong việc quản lý nhà nước về môi trường	
.....	39
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	47
2.1. Hiện trạng môi trường của quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	47
2.2. Tình hình quản lý nhà nước về môi trường tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	53
Chương 3. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG, BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	64
3.1. Quan điểm và mục tiêu quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	64
3.2. Giải pháp QLNN về môi trường tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	68
3.3. Kiến nghị	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVMT	: Bảo vệ môi trường
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
MT	: Môi trường
KH	: Kế hoạch
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
QLMT	: Quản lý môi trường
QLNN	: Quản lý nhà nước
SX-KD-DV	: Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
TP	: Thành phố
VSMT	: Vệ sinh môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc và các thầy giáo, cô giáo Học viện Khoa học xã hội, bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập cũng như trong quá trình hoàn thành luận văn này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới thầy giáo, PGS.TS Bùi Thị Đào - người hướng dẫn khoa học – đã tận tình hướng dẫn tôi phương pháp nghiên cứu trong quá trình thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ và cung cấp cho bản thân tôi các văn bản, số liệu liên quan đến luận văn.

Tác giả luận văn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong các công trình nào khác.

Tác giả luận văn

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, bảo vệ TNTN và môi trường đã trở thành vấn đề trọng yếu, mang tính toàn cầu. Ở nước ta, vấn đề này đã trở thành sự nghiệp không chỉ của toàn Đảng, toàn dân mà còn là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển kinh tế ngày càng tăng đã mang lại rất nhiều lợi ích; mức sống cao hơn, giáo dục và sức khỏe tốt hơn, kéo dài tuổi thọ hơn... Tuy nhiên, đi kèm theo đó là tình trạng suy kiệt nguồn tài nguyên, suy thoái môi trường...

Đà Nẵng là thành phố loại I trực thuộc Trung ương và là trung tâm KT-XH của miền trung. Đà Nẵng đang trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ, một mặt góp phần đáng kể vào công cuộc phát triển chung của thành phố, mặt khác đã làm nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường.

Sau khi tách tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Quận Hải Châu được thành lập vào ngày 23/01/1997 và trở thành quận trung tâm của thành phố Đà Nẵng. Vị trí của Quận Hải Châu: Phía Bắc giáp Vịnh Đà Nẵng, Tây giáp quận Thanh Khê và huyện Hòa Vang, Đông giáp quận Sơn Trà và quận Ngũ Hành Sơn, Nam giáp Quận Cẩm Lệ. Quận Hải Châu có diện tích 21,35 km², chiếm 1,66% diện tích toàn thành phố; Dân số: 196.098 người, chiếm 21,17% số dân toàn thành phố; Mật độ dân số: 9.184,92 người/km². Với vị trí là một quận trung tâm, nằm sát trục giao thông Bắc Nam và cửa ngõ ra biển Đông, cùng một hệ thống hạ tầng giao thông phát triển mạnh, đồng thời là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của thành phố, tập trung đông dân cư và các cơ quan, văn phòng của hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Vì vậy, quận Hải Châu có một tầm quan trọng đặc biệt trong sự phát triển của thành phố Đà Nẵng, giữ

vai trò là trung tâm chính trị-hành chính-kinh tế-văn hoá và là địa bàn trọng điểm về an ninh, quốc phòng của thành phố Đà Nẵng. Những đặc điểm đó đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh quốc phòng cũng như bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy vậy, vấn đề bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và ngăn chặn ô nhiễm môi trường của quận hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Tài nguyên đang bị suy thoái so việc khai thác và sử dụng thiếu hợp lý, rừng tự nhiên tiếp tục bị tàn phá, đất đai bị xói mòn và thoái hóa, đa dạng sinh học bị suy giảm, nguồn nước mặt và nước ngầm đang bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hóa học, chất thải chưa được thu gom và xử lý triệt để, công tác vệ sinh môi trường còn nhiều yếu kém... Việc gia tăng dân số, nhất là việc di dân tự do là những sức ép lớn đối với tài nguyên môi trường. Việc thi hành pháp luật về bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường còn gặp nhiều khó khăn, ý thức tự giác bảo vệ môi trường chưa trở thành thói quen trong cộng đồng dân cư... đang trở thành những vấn đề lớn đòi hỏi phải được giải quyết.

Thực tế cũng đã có những đề tài nghiên cứu, những báo cáo, bài viết bàn về vấn đề tài nguyên môi trường trên địa bàn quận Hải Châu nói riêng và Đà Nẵng nói chung. Tuy nhiên, những nghiên cứu, bài viết đó cũng chỉ mới dừng lại trên cơ sở báo cáo thống kê hoặc giải quyết một số nội dung nhất định. Đề tài: *“Quản lý nhà nước về môi trường từ thực tế quận Hải Châu, TP Đà Nẵng”* đưa ra cái nhìn tổng quát về thực trạng QLMT ở quận Hải Châu TP Đà Nẵng, phân tích những thành tựu và hạn chế của công tác QLNN về Môi trường. Từ đó đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác BVMT tại quận Hải Châu, góp phần xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành “Thành phố môi trường” trong tương lai.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề nghiên cứu về môi trường tại Việt Nam tính đến nay đã được

nhiều cá nhân, tổ chức quan tâm nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên các nghiên cứu ấy chủ yếu ở tầm vĩ mô, còn chung chung, có không nhiều công trình nghiên cứu về công tác quản lý, tình trạng ô nhiễm môi trường ở một địa phương cụ thể là quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài tập trung tìm hiểu các nội dung chính sau:

- Thực trạng tài nguyên môi trường trên địa bàn quận Hải Châu, hoạt động quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
- Các giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường quận xuất phát từ những thực trạng đã nghiên cứu.

3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích nêu trên, đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu:

- Nguyên cứu một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về môi trường.
- Nghiên cứu thực trạng tài nguyên môi trường và hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trên địa bàn quận Hải Châu.
- Từ thực trạng tài nguyên môi trường và hoạt động quản lý tài nguyên môi trường, đề tài đi sâu tìm hiểu những kết quả đã đạt được và những hạn chế đang còn tồn tại trong công tác quản lý tài nguyên môi trường trên địa bàn quận Hải Châu.
- Đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý tài nguyên môi trường quận Hải Châu.
- Những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường quận Hải Châu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Sự QLNN về MT bao gồm chính sách, biện pháp, việc triển khai thực hiện công tác BVMT từ thực tiễn tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: tập trung nghiên cứu sự QLNN về MT tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng chủ yếu dưới góc độ triển khai thực hiện việc QLNN về lĩnh vực BVMT.

Về không gian: nghiên cứu tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Về thời gian: Từ năm 2010 - 2016

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn vận dụng cách tiếp cận đa ngành, liên ngành khoa học dựa vào chương trình giảng dạy của Học viện Khoa học xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu bàn giấy: Nghiên cứu các tài liệu sẵn có và kế thừa kết quả nghiên cứu.
- Phương pháp phân tích và tổng hợp số liệu: phục vụ cho việc minh chứng, minh họa cho các nội dung đánh giá, phân tích.
- Phương pháp thu thập số liệu, thông tin: việc thu thập thông tin để phân tích và tổng hợp được lấy từ các nguồn thông tin công bố của cơ quan nhà nước, các văn kiện đại hội Đảng, nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực QLNN về môi trường tại Đà Nẵng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Hệ thống hóa một số cơ sở lý luận phục vụ, phân tích đánh giá việc QLNN về môi trường, từ đó làm phong phú thêm việc áp dụng thực tế vào thực tiễn của quận Hải Châu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Cung cấp cơ sở thực tiễn về thực hiện QLNN về môi trường tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Cung cấp một số giải pháp tăng cường hiệu quả về thực hiện việc QLNN về môi trường thực tiễn tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn tốt nghiệp có kết cấu gồm 3 phần

-Phần mở đầu

-Phần nội dung: gồm 3 chương

Chương 1.Những lý luận quản lý nhà nước về môi trường.

Chương 2.Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3. Giải pháp tăng cường, bảo đảm quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Phần kết luận.

Chương 1

NHỮNG LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái niệm về môi trường, đặc điểm và vai trò của môi trường

1.1.1. Khái niệm

Môi trường là một khái niệm rất rộng, được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, đặc biệt sau hội nghị Stockholm về môi trường 1972. Tuy nhiên nghiên cứu về những khái niệm liên quan đến định nghĩa đưa ra trong luật bảo vệ môi trường của Việt nam, có những khái niệm đáng chú ý sau đây.

Một định nghĩa nổi tiếng của S.V.Kalesnik (1959, 1970): "Môi trường (được định nghĩa với môi trường địa lí) chỉ là một bộ phận của trái đất bao quanh con người, mà ở một thời điểm nhất định xã hội loài người có quan hệ tương hỗ trực tiếp với nó, nghĩa là môi trường có quan hệ một cách gần gũi nhất với đời sống và hoạt động sản xuất của con người" [26, tr 209-212].

Một định nghĩa khác của viện sĩ *I.P.Gheraximov* (1972) đã đưa ra định nghĩa môi trường như sau: "Môi trường (bao quanh) là khung cảnh của lao động, của cuộc sống riêng tư và nghỉ ngơi của con người", trong đó môi trường tự nhiên là cơ sở cần thiết cho sự sinh tồn của nhân loại.

Trong *báo cáo toàn cầu năm 2000*, công bố 1982 đã nêu ra định nghĩa môi trường sau đây: "Theo tự nghĩa, môi trường là những vật thể vật lí và sinh học bao quanh loài người... Mỗi quan hệ giữa loài người và môi trường của nó chặt chẽ đến mức mà sự phân biệt giữa các cá thể con người với môi trường bị xoá nhoà đi".

Trong quyển *"Địa lí hiện tại, tương lai. Hiểu biết về quả đất, hành tinh của chúng ta*, Magnard. P, 1980" [25], đã nêu ra khá đầy đủ khái niệm môi trường: "Môi trường là tổng hợp - ở một thời điểm nhất định - các trạng huống vật lí, hoá học, sinh học và các yếu tố xã hội có khả năng gây ra một

tác động trực tiếp hay gián tiếp, tức thời hay theo kỳ hạn, đối với các sinh vật hay đối với các hoạt động của con người"

Trong *Tuyên ngôn của UNESCO năm 1981*, môi trường được hiểu là "Toàn bộ các hệ thống tự nhiên và các hệ thống do con người tạo ra xung quanh mình, trong đó con người sinh sống và bằng lao động của mình đã khai thác các tài nguyên thiên nhiên hoặc nhân tạo nhằm thoả mãn các nhu cầu của con người".

Trong quyển: *"Môi trường và tài nguyên Việt Nam"* - NXB Khoa học và kỹ thuật, H.1984 [17], đã đưa ra định nghĩa: "Môi trường là một nơi chốn trong số các nơi chốn, nhưng có thể là một nơi chốn đáng chú ý, thể hiện các màu sắc xã hội của một thời kì hay một xã hội". Cũng có những tác giả đưa ra định nghĩa ngắn gọn hơn, chẳng hạn như *R.G.Sharme* (1988) đưa ra một định nghĩa: "Môi trường là tất cả những gì bao quanh con người".

Để thống nhất về mặt nhận thức, chúng ta sử dụng định nghĩa trong *"Luật bảo vệ môi trường 2014"* [19, tr 01] định nghĩa khái niệm môi trường như sau:

“*Môi trường* là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật” (Mục 1, điều 3 Luật bảo vệ Môi trường 2014 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 23/6/2014)

Khái niệm chung về môi trường trên đây được cụ thể hoá đối với từng đối tượng và mục đích nghiên cứu khác nhau.

1.1.2. Đặc điểm của môi trường

Môi trường sống:

Đối với các cơ thể sống thì *môi trường sống* là tổng hợp những điều kiện bên ngoài như vật lí, hoá học, sinh học có liên quan đến sự sống. Nó có ảnh hưởng tới đời sống, sự tồn tại và phát triển của các cơ thể sống. Những điều

kiện đó chỉ có trên trái đất, trình độ khoa học hiện nay chưa xác định được các hành tinh khác trong vũ trụ có môi trường phù hợp cho sự sống.

Môi trường sống của con người:

Môi trường sống của con người trước hết phải là môi trường sống. Tuy nhiên đối với con người thì *môi trường sống của con người* là tổng hợp các điều kiện vật lí, hoá học, sinh học, xã hội bao quanh con người và có ảnh hưởng tới sự sống và phát triển của từng cá nhân, từng cộng đồng và toàn bộ loài người trên hành tinh. Như vậy nếu so sánh giữa môi trường sống và môi trường sống của con người thì môi trường sống của con người đòi hỏi những điều kiện ràng buộc nghiêm ngặt hơn. Như vậy trên hành tinh trái đất không gian môi trường sống của con người cũng bị thu hẹp hơn.

Liên quan đến khái niệm môi trường, còn có khái niệm *hệ sinh thái*. Đó là hệ thống các quần thể sinh vật cùng sống và cùng phát triển trong một môi trường nhất định, có quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó.

Khi nghiên cứu môi trường, chúng ta thường sử dụng khái niệm đa dạng sinh học; đó là sự phong phú về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên. Khi xem xét đa dạng sinh học được xét ở 3 cấp độ: cấp loài, cấp quần thể và quần xã

- Đối với đa dạng sinh học cấp loài, bao gồm toàn bộ các sinh vật sống trên trái đất, từ vi khuẩn đến các loài thực, động vật và các loài nấm.
- Ở cấp quần thể, đa dạng sinh học bao gồm sự khác biệt về gen giữa các loài, khác biệt về gen giữa các quần thể sống cách ly nhau về địa lí cũng như khác biệt giữa các cá thể cùng chung sống trong một quần thể.
- Đa dạng sinh học còn bao gồm cả sự khác biệt giữa các quần xã mà trong đó các loài sinh sống và các hệ sinh thái, nơi mà các loài cũng như các quần xã sinh vật tồn tại và cả sự khác biệt của các môi trường tương tác giữa chúng với nhau.

Các thành phần của môi trường:

Thành phần môi trường hết sức phức tạp, trong môi trường chứa đựng vô số các yếu tố hữu sinh và vô sinh, vì vậy khó mà diễn đạt hết các thành phần môi trường.

Ở tầm vĩ mô để xét thì thành phần môi trường có thể chia ra 5 quyển sau đây.

Khí quyển: khí quyển là vùng nằm ngoài vỏ trái đất với chiều cao từ 0 - 100 km. Trong khí quyển tồn tại các yếu tố vật lý như nhiệt, áp suất, mưa, nắng, gió, bão. Khí quyển chia thành nhiều lớp theo độ cao tính từ mặt đất, mỗi lớp có các yếu tố vật lý, hóa học khác nhau. Tầng sát mặt đất có các thành phần:

Khoảng 79% là Nitơ; 20% oxy; 0,93% Argon; 0,02% Ne; 0,03% CO₂; 0,005% He; một ít Hydro, trong không khí còn có hơi nước và bụi.

Khí quyển là bộ phận quan trọng của môi trường, nó được hình thành sớm nhất trong quá trình kiến tạo trái đất.

Thạch quyển: Địa quyển chỉ phần rắn của trái đất có độ sâu từ 0 - 60 km tính từ mặt đất và độ sâu từ 0 – 20 km tính từ đáy biển. Người ta gọi đó là lớp vỏ trái đất

Thạch quyển chứa đựng các yếu tố hoá học, như các nguyên tố hoá học, các hợp chất rắn vô cơ, hữu cơ.

Thạch quyển là cơ sở cho sự sống.

Thủy quyển : Là nguồn nước dưới mọi dạng. Nước có trong không khí, trong đất, trong ao hồ, sông, biển và đại dương. Nước còn ở trong cơ thể sinh vật.

Tổng lượng nước trên hành tinh khoảng 1,4 tỷ km³, nhưng khoảng 97% trong đó là ở đại dương, 3% là nước ngọt, tập trung phần lớn ở các núi băng thuộc bắc cực và Nam cực. Như vậy lượng nước ngọt mà con người có thể sử

dụng được chiếm tỷ lệ rất ít của thủy quyển.

Nước là thành phần môi trường cực kỳ quan trọng, con người cần đến nước không chỉ cho sinh lý hàng ngày mà còn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ ở mọi lúc mọi nơi.

Sinh quyển: Sinh quyển bao gồm các cơ thể sống (các loài sinh vật) và những bộ phận của thạch quyển, Thủy quyển và Khí quyển tạo nên môi trường sống của các cơ thể sống. Ví dụ các vùng rừng, ao hồ, đầm lầy, nơi đang tồn tại sự sống.

Sinh quyển có các thành phần hữu sinh và vô sinh quan hệ chặt chẽ và tương tác phức tạp với nhau. Đặc trưng cho hoạt động của sinh quyển là các chu trình trao đổi chất và các chu trình năng lượng.

Trí quyển: Từ khi xuất hiện con người và xã hội loài người, do bộ não người ngày càng hoàn thiện nên trí tuệ con người ngày càng phát triển, nó được coi như công cụ sản xuất chất xám đã tạo nên một lượng vật chất to lớn, làm thay đổi diện mạo của hành tinh chúng ta.

Chính vì vậy, ngày nay người ta thừa nhận sự tồn tại của một quyển mới, là trí quyển (Noosphere), bao gồm các bộ phận trên trái đất, tại đó có tác động của trí tuệ con người. Trí quyển là một quyển năng động.

Sự phân chia cấu trúc của môi trường thành các quyển trên đây cũng rất tương đối. Thực ra trong lòng mỗi quyển đều có mặt các phần quan trọng của quyển khác, chúng bổ sung cho nhau rất chặt chẽ.

Bản chất hệ thống của môi trường:

Các định nghĩa môi trường nêu trên, tuy có khác nhau về quy mô, giới hạn, thành phần môi trường v.v..., nhưng đều thống nhất ở bản chất hệ thống của môi trường và mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

Dưới ánh sáng của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, môi trường cần được hiểu như là một hệ thống. Nói cách khác, môi trường mang

đầy đủ những đặc trưng của hệ thống.

Những đặc trưng cơ bản của hệ thống môi trường là:

Tính cơ cấu (cấu trúc) phức tạp:

Hệ thống môi trường (gọi tắt là hệ môi trường) bao gồm nhiều phần tử (thành phần) hợp thành. Các phần tử đó có bản chất khác nhau (tự nhiên, kinh tế, dân cư, xã hội) và bị chi phối bởi các quy luật khác nhau, đôi khi đối lập nhau.

Cơ cấu của hệ môi trường được thể hiện chủ yếu ở cơ cấu chức năng và cơ cấu bậc thang. Theo chức năng, người ta có thể phân hệ môi trường ra vô số phân hệ. Tương tự như vậy, theo thứ bậc (quy mô), người ta cũng có thể phân ra các phân hệ từ lớn đến nhỏ.

Dù theo chức năng hay theo thứ bậc, các phần tử cơ cấu của hệ môi trường thường xuyên tác động lẫn nhau, quy định và phụ thuộc lẫn nhau (thông qua trao đổi vật chất - năng lượng - thông tin) làm cho hệ thống tồn tại, hoạt động và phát triển. Vì vậy, mỗi một sự thay đổi, dù là rất nhỏ, của mỗi phần tử cơ cấu của hệ môi trường đều gây ra một phản ứng dây chuyền trong toàn hệ, làm suy giảm hoặc gia tăng số lượng và chất lượng của nó.

Tính động:

Hệ môi trường không phải là một hệ tĩnh, mà luôn luôn thay đổi trong cấu trúc, trong quan hệ tương tác giữa các phần tử cơ cấu và trong từng phần tử cơ cấu. Bất kì một sự thay đổi nào của hệ đều làm cho nó lệch khỏi trạng thái cân bằng trước đó và hệ lại có xu hướng lập lại thể cân bằng mới. Đó là bản chất của quá trình vận động và phát triển của hệ môi trường. Vì thế, cân bằng động là một đặc tính cơ bản của môi trường với tư cách là một hệ thống. Đặc tính đó cần được tính đến trong hoạt động tư duy và trong tổ chức thực tiễn của con người.

Tính mở:

Môi trường, dù với quy mô lớn nhỏ như thế nào, cũng đều là một hệ thống mở. Các dòng vật chất, năng lượng và thông tin liên tục "chảy" trong không gian và thời gian (từ hệ lớn đến hệ nhỏ, từ hệ nhỏ đến hệ nhỏ hơn và ngược lại: từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ thế hệ này sang thế hệ nối tiếp, v.v...). Vì thế, hệ môi trường rất nhạy cảm với những thay đổi từ bên ngoài, điều này lý giải vì sao các vấn đề môi trường mang tính vùng, tính toàn cầu, tính lâu dài (viễn cảnh) và nó chỉ được giải quyết bằng nỗ lực của toàn thể cộng đồng, bằng sự hợp tác giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới với một tầm nhìn xa, trông rộng vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Khả năng tự tổ chức và điều chỉnh:

Trong hệ môi trường, có các phần tử cơ cấu là vật chất sống (con người, giới sinh vật) hoặc là các sản phẩm của chúng. Các phần tử này có khả năng tự tổ chức lại hoạt động của mình và tự điều chỉnh để thích ứng với những thay đổi bên ngoài theo quy luật tiến hoá, nhằm hướng tới trạng thái ổn định.

Đặc tính cơ bản này của hệ môi trường quy định tính chất, mức độ, phạm vi can thiệp của con người, đồng thời tạo mở hướng giải quyết căn bản, lâu dài cho các vấn đề môi trường cấp bách hiện nay (tạo khả năng tự phục hồi của các tài nguyên sinh vật đã suy kiệt, xây dựng các hồ chứa và các vành đai cây xanh, nuôi trồng thuỷ và hải sản, v.v...)

Phân loại môi trường:

Tùy theo mục đích nghiên cứu và sử dụng, có nhiều cách phân loại môi trường khác nhau. Có thể phân loại môi trường theo các dấu hiệu đặc trưng sau đây:

+ *Theo chức năng*

Môi trường tự nhiên:

Môi trường tự nhiên bao gồm các nhân tố của tự nhiên tồn tại khách

quan ngoài ý muốn của con người như không khí, đất đai, nguồn nước, ánh sáng mặt trời, động thực vật... Môi trường tự nhiên cung cấp các nguồn tài nguyên tự nhiên cho ta như không khí để thở, đất để xây dựng nhà cửa, trồng cây, chăn nuôi, các loại khoáng sản cho sản xuất, tiêu thụ và là nơi chứa đựng, đồng hoá các chất thải, cung cấp cho ta cảnh đẹp giải trí tăng khả năng sinh lý của con người.

Môi trường xã hội:

Môi trường xã hội là tổng hợp các quan hệ giữa người với người. Đó là những luật lệ, thể chế, cam kết, quy định, ước định, hương ước... ở các cấp khác nhau như: Liên Hợp Quốc, Hiệp hội các nước, quốc gia, tỉnh, huyện, cơ quan, làng xã, họ tộc, gia đình, tổ nhóm, các tổ chức tôn giáo, tổ chức toàn thể... Môi trường xã hội định hướng hoạt động của con người theo một khuôn khổ nhất định tạo nên sức mạnh tập thể thuận lợi cho sự phát triển, làm cho cuộc sống của con người khác với các sinh vật khác.

Môi trường nhân tạo:

Môi trường nhân tạo bao gồm các nhân tố do con người tạo nên, làm thành những tiện nghi cho cuộc sống của con người như ô tô, máy bay, nhà ở, công sở, các khu vực đô thị, công viên nhân tạo, các khu vui chơi giải trí v.v...

Theo quy mô:

Theo quy mô chủ yếu người ta phân loại môi trường theo không gian Địa lý như môi trường toàn cầu, môi trường khu vực, môi trường quốc gia, môi trường vùng, môi trường địa phương.

Theo mục đích nghiên cứu sử dụng:

Mục đích nghiên cứu sử dụng theo nghĩa rộng, môi trường bao gồm tất cả các nhân tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sống, sản xuất của con người như tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, ánh sáng, cảnh quan, các quan hệ xã hội... tức là gắn liền việc sử dụng tài nguyên với chất lượng

môi trường.

Mục đích nghiên cứu sử dụng theo nghĩa hẹp:

Môi trường theo nghĩa hẹp thường chỉ xét tới những nhân tố tự nhiên và xã hội trực tiếp liên quan tới chất lượng cuộc sống của con người.

Theo thành phần:

Phân loại theo thành phần của tự nhiên người ta thường chia ra:

- + Môi trường không khí
- + Môi trường đất
- + Môi trường nước
- + Môi trường biển

Phân loại theo thành phần của dân cư sinh sống người ta chia ra:

- + Môi trường thành thị
- + Môi trường nông thôn

Ngoài 2 cách phân loại trên có thể còn có các cách phân loại khác phù hợp với mục đích nghiên cứu, sử dụng của con người và sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, dù bất cứ cách phân loại nào thì cũng đều thống nhất ở một sự nhận thức chung: Môi trường là tất cả những gì có xung quanh ta, cho ta cơ sở để sống và phát triển.

1.1.3. Vai trò của môi trường

Môi trường tạo ra không gian sinh sống:

Mỗi một con người đều có yêu cầu về lượng không gian cần thiết cho hoạt động sống như: diện tích đất ở, hàm lượng không khí... Trung bình một ngày, một người cần khoảng $4m^3$ không khí sạch, 2,5l nước uống, một lượng lương thực, thực phẩm đáp ứng hàm lượng calo từ 2.000 – 2.500 calo... Cộng đồng loài người tồn tại trên Trái đất không chỉ đòi hỏi ở môi trường về phạm vi không gian sống mà cả về chất lượng của không gian sống đó. Chất lượng không gian sống phải đảm bảo được các yêu cầu bền vững về sinh thái - kinh

tế - môi trường, thể hiện ở môi trường sạch sẽ, tinh khiết, giàu O₂, không chứa các chất cặn bần, độc hại đối với sức khỏe của con người.

Môi trường chính là khoảng không gian sinh sống của con người. Hệ số sử dụng đất của con người ngày một giảm: nếu trước đây, trung bình diện tích đất ở của một người vào năm 1650 là khoảng 27,5 ha/người thì đến nay chỉ còn khoảng 1,5-1,8 ha/người. Diện tích không gian sống bình quân trên trái đất ngày càng bị thu giảm, mức độ giảm ngày càng tăng nhanh.

Môi trường là nơi cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và các hoạt động sản xuất của con người:

Môi trường không những chỉ cung cấp “đầu vào” mà còn chứa đựng “đầu ra” cho các quá trình sản xuất và đời sống. Hoạt động sản xuất là một quá trình bắt đầu từ việc sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư, thiết bị máy móc, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật khác, sức lao động của con người để tạo ra sản phẩm hàng hóa. Có những nguồn tài nguyên có thể sử dụng trực tiếp (thủy, hải sản...), có dạng phải tác động thì mới sản xuất được của cải vật chất phục vụ đời sống con người (đất đai...). Các hoạt động sống cũng vậy, con người ta cũng cần có không khí để thở, cần có nhà để ở, cần có phương tiện để đi lại, cần có chỗ vui chơi giải trí, học tập nâng cao hiểu biết... Những dạng vật chất trên chính là các yếu tố môi trường.

Như vậy chính các yếu tố môi trường (yếu tố vật chất kể trên - kể cả sức lao động) là “đầu vào” của quá trình sản xuất và các hoạt động sống của con người. Hay nói cách khác: môi trường là “đầu vào” của sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng môi trường tự nhiên cũng có thể là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên.

Môi trường là nơi chứa đựng và hoá giải các chất thải do con người tạo ra trong quá trình sinh hoạt và sản xuất:

Bên cạnh vai trò “đầu vào”, môi trường tự nhiên cũng lại là nơi chứa đựng, đồng hóa “đầu ra” các chất thải của các quá trình hoạt động sản xuất và đời sống. Quá trình sản xuất thải ra môi trường rất nhiều chất thải (cả khí thải, nước thải, chất thải rắn). Trong các chất thải này có thể có rất nhiều loại độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, hoặc gây ra các sự cố về môi trường. Quá trình sinh hoạt, tiêu dùng của xã hội loài người cũng thải ra môi trường rất nhiều chất thải. Những chất thải này nếu không được xử lý tốt cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vấn đề ở đây là phải làm thế nào để hạn chế được nhiều nhất các chất thải, đặc biệt là chất thải gây ô nhiễm, tác động tiêu cực đối với môi trường.

Hiện nay vấn đề chất thải đô thị và công nghiệp là cực kỳ quan trọng. Có quan điểm cho rằng “chất thải là một dạng tài nguyên” do đã có công nghệ chế biến chất thải thành phân bón. Đó là một dạng “công nghệ thân thiện với môi trường”. Tuy nhiên mặc dù điều kiện phát triển đến đâu thì các nhu cầu tự nhiên của con người như ăn, uống, thở cũng đều yêu cầu môi trường trong sạch.

Môi trường là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên đến con người và các vi sinh vật trên trái đất, ví dụ như:

Tầng khí quyển: Khí quyển giữ cho nhiệt độ Trái đất tránh được các bức xạ quá cao, chênh lệch nhiệt độ lớn, ổn định nhiệt độ trong khả năng chịu đựng của con người...

Thủy quyển thực hiện chu trình tuần hoàn nước, giữ cân bằng nhiệt độ, các chất khí, giảm nhẹ tác động có hại của thiên nhiên đến con người và các sinh vật...

Thạch quyển liên tục cung cấp năng lượng, vật chất cho các quyển khác

của Trái đất, giảm tác động tiêu cực của thiên tai tới con người và sinh vật...

Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin:

Môi trường cung cấp sự ghi chép và lưu trữ lịch sử địa chất, lịch sử tiến hoá của vật chất và sinh vật, lịch sử xuất hiện và phát triển văn hoá của loài người. Bên cạnh đó, môi trường sống cung cấp các chỉ thị không gian và tạm thời mang tính chất báo động sớm các nguy hiểm đối với con người và sinh vật sống trên trái đất như các phản ứng sinh lý của cơ thể sống trước khi xảy ra các tai biến thiên nhiên và hiện tượng thiên nhiên đặc biệt như bão, động đất, v.v.

Môi trường còn lưu trữ và cung cấp cho con người sự đa dạng các nguồn gen, các loài động thực vật, các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo, các vẻ đẹp và cảnh quan có giá trị thẩm mỹ, tôn giáo và văn hoá khác.

Ô nhiễm môi trường (Environmental Pollution): Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014, “*Ô nhiễm môi trường* là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.”..

Trên thế giới, ô nhiễm môi trường được hiểu là việc chuyển các chất thải hoặc năng lượng vào môi trường đến mức có khả năng gây hại đến sức khoẻ con người, đến sự phát triển sinh vật hoặc làm suy giảm chất lượng môi trường. Các tác nhân ô nhiễm bao gồm các chất thải ở dạng khí (khí thải), lỏng (nước thải), rắn (chất thải rắn) chứa hoá chất hoặc tác nhân vật lý, sinh học và các dạng năng lượng như nhiệt độ, bức xạ. Tình trạng môi trường bị ô nhiễm bởi các chất hóa học, sinh học... gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các cơ thể sống khác. Ô nhiễm môi trường là do con người và cách quản lý của con người.

1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò quản lý nhà nước về môi trường

1.2.1. Khái niệm

Quản lý môi trường là bằng mọi biện pháp thích hợp tác động và điều chỉnh các hoạt động của con người nhằm làm hài hòa mối quan hệ giữa phát triển và môi trường, sao cho vừa thỏa mãn nhu cầu của con người, vừa bảo đảm được chất lượng của môi trường và không quá khả năng chịu đựng của hành tinh chúng ta. Quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường là một nội dung cụ thể của quản lý Nhà nước. Đó là việc sử dụng các công cụ quản lý trên cơ sở khoa học, kinh tế, luật pháp để tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội của quốc gia.

Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với môi trường:

Tài nguyên môi trường là tài sản chung

Tài nguyên môi trường thuộc sở hữu toàn dân và do nhà nước thống nhất quản lý.

Việc khai thác phải kết hợp với bảo vệ và phát triển.

Đảm bảo tính đa dạng của bảo vệ, khai thác, phát triển và quản lý tài nguyên môi trường.

Quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường bằng hệ thống pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng, phát triển theo quy hoạch ngành, lãnh thổ.

Quản lý tài nguyên môi trường phải huy động toàn dân tham gia.

1.2.2. Cơ sở Quản lý nhà nước về môi trường

1.2.2.1. Cơ sở của quản lý môi

trường Cơ sở triết học:

Nguyên lý về tính thống nhất vật chất thế giới gắn tự nhiên, con người và xã hội thành một hệ thống rộng lớn “tự nhiên – con người – xã hội”, trong

đó yếu tố con người giữ vai trò chủ đạo. Sự thống nhất của hệ thống trên được thực hiện trong các chu trình sinh địa hoá của 5 thành phần cơ bản:

- Sinh vật sản xuất (tảo và cây xanh) có chức năng tổng hợp chất hữu từ các chất vô dưới tác động của quá trình quang hợp.
- Sinh vật tiêu thụ là toàn bộ động vật sử dụng chất hữu có sẵn tạo ra các chất thải
- Sinh vật phân huỷ (vi khuẩn, nấm) có chức năng phân huỷ các chất thải chuyển chúng thành các chất vô đơn giản.
- Con người và xã hội loài người
- Các chất vô và hữu cần thiết cho sự sống của sinh vật và con người với số lượng ngày một tăng.

Tính thống nhất của hệ thống “tự nhiên - con người - xã hội” đòi hỏi việc giải quyết vấn đề môi trường và thực hiện công tác QLMT phải toàn diện và hệ thống. con người nắm bắt cội nguồn sự thống nhất đó, phải đưa ra các phương sách thích hợp để giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong hệ thống đó. Vì chính con người đã góp phần quan trọng vào việc phá vỡ tất yếu khách quan là sự thống nhất giữa “tự nhiên - con người - xã hội”. Sự hình thành những chuyên ngành khoa học như QLMT sinh thái nhân văn là sự tìm kiếm của con người nhằm nắm bắt và giải quyết các mâu thuẫn, tính thống nhất của hệ thống “Tự nhiên - Con người – Xã hội”.

Cơ sở khoa học kỹ thuật – công nghệ:

Quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội quốc gia. Các nguyên tắc quản lý môi trường, các công cụ thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường, các phương pháp xử lý môi trường bị ô nhiễm được xây dựng trên cơ sở sự hình thành và phát triển ngành khoa học môi trường.

Nhờ sự tập trung quan tâm cao độ của các nhà khoa học thế giới, trong thời gian từ năm 1960 đến nay nhiều số liệu, tài liệu nghiên cứu về môi trường đã được tổng kết và biên soạn thành các giáo trình, chuyên khảo. Trong đó, có nhiều tài liệu cơ sở, phương pháp luận nghiên cứu môi trường, các nguyên lý và quy luật môi trường.

Nhờ kỹ thuật và công nghệ môi trường, các vấn đề ô nhiễm do hoạt động sản xuất của con người đang được nghiên cứu, xử lý hoặc phòng tránh, ngăn ngừa. Các kỹ thuật phân tích, đo đạc, giám sát chất lượng môi trường như kỹ thuật viễn thám, tin học được phát triển ở nhiều nước phát triển trên thế giới.

Tóm lại, quản lý môi trường cầu nối giữa khoa học môi trường với hệ thống tự nhiên - con người - xã hội đã được phát triển trên nền phát triển của các bộ môn chuyên ngành.

Cơ sở kinh tế:

Quản lý môi trường được hình thành trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và thực hiện điều tiết xã hội thông qua các công cụ kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động phát triển và sản xuất của cải vật chất diễn ra dưới sức ép của sự trao đổi hàng hoá theo giá trị. Loại hàng hoá có chất lượng tốt và giá thành rẻ sẽ được tiêu thụ nhanh. Trong khi đó, loại hàng hoá kém chất lượng và đắt sẽ không có chỗ đứng. Vì vậy, chúng ta có thể dùng các phương pháp và công cụ kinh tế để đánh giá và định hướng hoạt động phát triển sản xuất có lợi cho công tác bảo vệ môi trường.

Các công cụ kinh tế rất đa dạng gồm các loại thuế, phí và lệ phí, cota ô nhiễm, quy chế đóng góp có bồi hoàn, trợ cấp kinh tế, nhãn sinh thái, hệ thống các tiêu chuẩn ISO. Một số ví dụ về phân tích kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường như lựa chọn sản lượng tối ưu cho một hoạt động sản xuất có sinh ra ô nhiễm nào đó, hoặc xác định mức khai thác hợp lý tài nguyên tái tạo v.v...

Cơ sở pháp luật:

Cơ sở luật pháp của quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường là các văn bản về luật quốc tế và luật quốc gia về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Luật quốc tế về môi trường là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn, loại trừ thiệt hại gây ra cho môi trường của từng quốc gia và môi trường ngoài phạm vi tàn phá quốc gia. Các văn bản luật quốc tế về môi trường được hình thành một cách chính thức từ thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, giữa các quốc gia châu Âu, châu Mỹ, châu Phi. Từ hội nghị quốc tế về "Môi trường con người" tổ chức năm 1972 tại Thụy Điển và sau Hội nghị thượng đỉnh Rio 92 có rất nhiều văn bản về luật quốc tế được soạn thảo và ký kết. Cho đến nay đã có hàng nghìn các văn bản luật quốc tế về môi trường, trong đó nhiều văn bản đã được chính phủ Việt Nam tham gia ký kết.

Trong phạm vi quốc gia, vấn đề tài nguyên và môi trường được đề cập trong nhiều bộ luật, trong đó Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật bảo vệ môi trường đã được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại phiên họp ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Kỳ họp thứ 7, gồm có 20 chương, 170 điều (tăng 05 Chương và 34 điều so với Luật bảo vệ môi trường năm 2005). Luật bảo vệ môi trường là công cụ pháp lý quan trọng nhằm giữ gìn, bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển bền vững, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của toàn thể nhân dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Sau khi Luật BVMT được ban hành, Tổng cục Môi trường đã xây dựng, trình Bộ trưởng để trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 19 văn bản, trong đó có 05 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và 11 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Danh mục văn bản đã được ban hành:

1. Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định điều kiện của tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
2. Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường;
3. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường;
4. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2015;
5. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
6. Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất
7. Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 5 năm 2015 quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ;
8. Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 8 năm 2014 về việc triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường;
9. Thông tư 11/2015/TT-BTNMT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường ban hành (*QCVN 01-MT : 2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên*)
10. Thông tư 12/2015/TT-BTNMT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (*QCVN 12-MT : 2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy*)

11. Thông tư 13/2015/TT-BTNMT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (*QCVN 13-MT : 2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm*)

12. Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận đã được Bộ trưởng ký ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2015;

13. Thông tư số 22/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 28 tháng 5 năm 2015 quy định về bảo vệ môi trường trong sử dụng dung dịch khoan; quản lý chất thải và quan trắc môi trường đối với các hoạt động dầu khí trên biển;

14. Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 28 tháng 5 năm 2015 quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

15. Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

16. Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

17. Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

18. Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;

19. Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ

trường Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Và các Bộ Luật hình sự, hàng loạt các thông tư, quy định, quyết định của các ngành chức năng về thực hiện luật môi trường đã được ban hành. Một số tiêu chuẩn môi trường chủ yếu được soạn thảo và thông qua. Nhiều khía cạnh bảo vệ môi trường được đề cập trong các văn bản khác như Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí, Luật Lao động, Luật Đất đai, Pháp lệnh về đê điều, Pháp lệnh về việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản...

Các văn bản trên cùng với các văn bản về luật quốc tế được nhà nước Việt Nam phê duyệt là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

1.2.2.2. Đối tượng, mục tiêu Quản lý môi

trường Đối tượng Quản lý môi trường:

Điều tiết các lợi ích sao cho hài hòa trên nguyên tắc ưu tiên lợi ích của quốc gia, của toàn xã hội.

Mục tiêu của Quản lý môi trường:

Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường phát sinh trong hoạt động sống của con người.

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành Luật Bảo vệ môi trường

Phát triển bền vững KTXH của quốc gia theo 9 nguyên tắc của một xã hội bền vững do Rio - 92 đưa ra

Xây dựng các công cụ có hiệu lực quản lý môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ.

Các nguyên tắc chủ yếu:

Hướng công tác quản lý môi trường tới mục tiêu phát triển bền vững

KTXH đất nước, giữ cân bằng giữa phát triển và BVMT. Nguyên tắc này cần được thể hiện trong quá trình xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, luật pháp và chính sách nhà nước, ngành và địa phương.

Kết hợp các mục tiêu quốc tế - quốc gia - vùng lãnh thổ và cộng đồng dân cư trong việc quản lý môi trường. Môi trường không có ranh giới không gian, do vậy sự ô nhiễm hay suy thoái thành phần môi trường ở quốc gia, vùng lãnh thổ này sẽ ảnh hưởng có trực tiếp tới quốc gia khác và các vùng lãnh thổ khác.

Quản lý môi trường cần được thực hiện bằng nhiều biện pháp và công cụ tổng hợp thích hợp. Các biện pháp và công cụ quản lý môi trường rất đa dạng, mỗi loại biện pháp và công cụ trên có phạm vi và hiệu quả khác nhau trong từng trường hợp cụ thể.

Phòng chống, ngăn ngừa tai biến và suy thoái môi trường cần được ưu tiên hơn việc phải xử lý, hồi phục môi trường nếu để gây ra ô nhiễm môi trường. Phòng ngừa là biện pháp ít tốn kém hơn xử lý, nếu để xảy ra ô nhiễm.

Người gây ra ô nhiễm phải trả tiền cho các tổn thất do ô nhiễm môi trường gây ra và các chi phí xử lý, hồi phục môi trường đã bị ô nhiễm. Đây là nguyên tắc quản lý môi trường do các nước OECD đưa ra. Nguyên tắc được dùng làm cơ sở để xây dựng các quy định về thuế, phí, lệ phí môi trường và các quy định xử phạt hành chính đối với các vi phạm về quản lý môi trường. Nguyên tắc trên cần thực hiện phối hợp với nguyên tắc người sử dụng trả tiền, với nội dung là người nào sử dụng các thành phần môi trường thì phải trả tiền cho việc sử dụng và các tác động tiêu cực đến môi trường do việc sử dụng đó gây ra.

1.2.3. Vai trò của công tác quản lý nhà nước về môi trường

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định phương hướng phát triển cơ bản của

nước ta là “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 nêu quan điểm “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường”. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường.

Hệ thống chính sách, pháp luật và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được hình thành tương đối đồng bộ và đang từng bước được hoàn thiện.

Các chủ trương, quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường cơ bản đã được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Năm 1991, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững giai đoạn 1991 - 2000. Tiếp theo, Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,... đã đề ra các định hướng về bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Thủy sản và các văn bản luật có liên quan, các văn bản dưới luật đã quy định khá đầy đủ, chi tiết, cụ thể những nội dung phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phục hồi môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân, về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, các cơ chế, công cụ, chế tài bảo vệ môi trường cũng được quy định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, Luật Thuế bảo vệ môi trường. Hầu hết các luật này đã được bổ sung, sửa đổi, có đạo luật được sửa đổi một số lần trong thời gian giữa các nhiệm kỳ Đại hội IX, X và XI nên kịp thời thể chế hóa, góp phần sớm đưa các chủ trương, quan điểm bảo vệ môi trường của Đảng vào cuộc sống.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được thiết lập đồng bộ cả ở Trung ương, địa phương và từng bước được kiện toàn. Năm

2002, Bộ Tài nguyên và Môi trường được thành lập. Năm 2008, Tổng cục Môi trường được thành lập, thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ở các bộ, ngành đã có các đơn vị trực thuộc chuyên trách công tác bảo vệ môi trường. Lực lượng phòng chống tội phạm môi trường đã được thành lập, góp phần ngăn ngừa, hạn chế hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Tại các địa phương, đã có Sở Tài nguyên và Môi trường ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường ở các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và có cán bộ kiêm nhiệm quản lý môi trường ở xã, phường, thị trấn. Nhiều tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ban quản lý khu công nghiệp, doanh nghiệp lớn đã có phòng, ban, bộ phận hoặc bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường.

Nguồn lực tài chính và các điều kiện cần thiết cho bảo vệ môi trường được bảo đảm ngày càng tốt hơn. Nguồn chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp môi trường được cân đối đạt mức 1% tổng chi ngân sách hằng năm, tăng nhiều lần so với trước đây. Năm 2006 là 2.900 tỷ đồng, thì năm 2012 đã lên tới 9.050 tỷ đồng.

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA được huy động cho bảo vệ môi trường cũng tăng nhanh. Một số thể chế tài chính về bảo vệ môi trường được hình thành, đi vào hoạt động, như Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường của một số ngành, địa phương đã góp phần tăng cường các nguồn vốn hỗ trợ thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Một số công cụ kinh tế, như thuế, phí bảo vệ môi trường đã góp phần tạo nguồn thu từ xã hội để đầu tư cho bảo vệ môi trường.

Việc xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường cũng được triển khai rộng khắp. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp tư nhân tham gia cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường, như cấp thoát nước, xử lý nước thải, khí thải, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, hoạt động tư vấn, thiết kế...

Nước ta đã tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế, tham gia 20 điều ước quốc tế về môi trường; đã có gần 40 chương trình, dự án lớn về bảo vệ môi trường được thực hiện với các đối tác trên cơ sở song phương và đa phương. Việt Nam cũng tham gia tích cực vào các diễn đàn thế giới và khu vực về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong khu vực châu Á, ASEAN, các nước tiểu vùng sông Mê Công mở rộng.

Công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đã góp phần kiềm chế, làm chậm lại tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường.

1.3. Nội dung quản lý nhà nước về môi trường

1.3.1. Hoạch định chính sách và chiến lược bảo vệ môi trường

Là chức năng quan trọng nhất, nhằm định ra mục tiêu, chính sách, chiến lược, chương trình kế hoạch BVMT cho quốc gia và từng địa phương. Bao gồm việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp quy về BVMT, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường; xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách BVMT, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái, ô nhiễm và sự cố môi trường.

Căn cứ Quyết định phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của Thủ Tướng chính phủ ban hành ngày 5/9/2012. Các giải pháp cụ thể như sau:

1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường; nhận thức đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường và có ý thức thực hiện trên thực tế.

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục môi trường, biến đổi khí hậu trong các cấp

học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo; mở rộng các chuyên ngành đào tạo về môi trường, ưu tiên đào tạo các chuyên ngành có nhu cầu lớn trong xã hội.

Tuyên truyền, vận động xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh trong nhân dân, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, các-bon thấp, hài hòa, thân thiện với môi trường.

Làm rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp để xảy ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng do không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định về bảo vệ môi trường hoặc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong phê duyệt, cấp phép các dự án đầu tư. Gắn xem xét ý thức trách nhiệm và kết quả bảo vệ môi trường trong việc đánh giá, bình bầu thi đua, khen thưởng tập thể và cá nhân người đứng đầu.

Thực hiện việc đánh giá, phân hạng các ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo mức độ thân thiện với môi trường và hàng năm công bố công khai để có sự điều chỉnh chính sách và quy hoạch phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương.

2. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng phát triển bền vững. Khẩn trương xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, trọng tâm là sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, hướng tới việc xây dựng Bộ Luật môi trường. Khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về những vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường giai đoạn 2012 -

2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định về tội phạm môi trường trong Bộ luật Hình sự để sớm đưa các tội phạm môi trường ra xét xử. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về không khí sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái chế chất thải, phát triển kinh tế các-bon thấp.

Thúc đẩy nhanh, mạnh việc áp dụng các cơ chế, công cụ kinh tế phù hợp với thể chế kinh tế thị trường nhằm điều tiết vĩ mô các hoạt động phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, đặc biệt là các công cụ thuế, phí, ký quỹ, chi trả dịch vụ môi trường, tài khoản vốn tự nhiên... Thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp, bồi thường thiệt hại về môi trường. Hoàn thiện các cơ chế tài chính, tín dụng cho bảo vệ môi trường; tăng cường thực thi các chính sách ưu đãi, trợ giá, hỗ trợ về đất đai, tài chính, tín dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương, trọng tâm là cấp tỉnh, huyện, xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường. Rà soát, làm rõ nội dung, xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, vướng mắc, phân tán trong phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước, tập trung đầu mối quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Nghiên cứu đề xuất mô hình cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phù hợp với tình hình mới, xu hướng mở cửa và hội nhập. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý, ngoại ngữ bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát môi trường.

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi

trường, khẩn trương củng cố, hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống quan trắc môi trường quốc gia, từng bước đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và ở các ngành, các cấp; cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

3. **Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường**

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về môi trường, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong bảo vệ môi trường, phát huy vai trò của khoa học và công nghệ trong việc thúc đẩy, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tiết kiệm năng lượng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo. Đẩy nhanh tiến độ đổi mới công nghệ sản xuất, công nghệ xây dựng theo hướng ứng dụng công nghệ sản xuất, xây dựng tiêu tốn ít nguyên, nhiên liệu, năng lượng, ít chất thải, các-bon thấp.

Phát triển ngành kinh tế môi trường để hỗ trợ các ngành kinh tế khác giải quyết các vấn đề môi trường, thúc đẩy tăng trưởng, tạo thu nhập và việc làm.

Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế môi trường mũi nhọn, hình thành môi trường pháp lý thuận lợi, thực thi các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển một số ngành, lĩnh vực cung ứng sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải kết hợp thực hiện các gói kích cầu, thúc đẩy tiêu dùng các loại sản phẩm này, nhằm đẩy nhanh việc hình thành và phát triển ngành kinh tế môi trường.

Ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp

môi trường. Chú trọng phát triển năng lực cung ứng dịch vụ môi trường, nhất là xử lý, tái chế chất thải và công nghệ, giải pháp xử lý môi trường, coi đây là ngành kinh tế xanh, mũi nhọn giải quyết các vấn đề môi trường, góp phần tạo thêm thu nhập và việc làm cho nhân dân.

Nhà nước thực thi chính sách trợ giá; khuyến khích người dân tiêu dùng, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, các sản phẩm tái chế nhằm hỗ trợ ngành kinh tế môi trường phát triển.

5. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường

Tăng dần tỷ lệ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường, phấn đấu đạt 2% tổng chi ngân sách; đồng thời thúc đẩy việc sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Phát huy vai trò, trách nhiệm của ngành tài nguyên và môi trường trong phân bổ, giám sát các nguồn chi ngân sách cho bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được sử dụng gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường. Bảo đảm mức và cơ cấu đầu tư cho bảo vệ môi trường hợp lý trong đầu tư phát triển, trong sản xuất, kinh doanh.

Chú trọng hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư bảo vệ môi trường; triển khai mạnh mẽ mô hình hợp tác công - tư (PPP); thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ phát triển từ các tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước cho bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong việc khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Phát huy vai trò của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, củng cố, tăng cường năng lực, bổ sung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tạo cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; mở rộng phạm vi hoạt động, loại hình hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tổ chức cá nhân trong bảo vệ môi trường. Từng bước hình thành thị trường vốn cho bảo vệ môi trường,

khuyến khích thành lập quỹ tài trợ cho các sáng kiến, mô hình dựa vào cộng đồng, các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường vì lợi ích chung của xã hội.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư cho bảo vệ môi trường. Có cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường huy động vốn cho bảo vệ môi trường, nhất là các nguồn vốn ngoài ngân sách.

Nghiên cứu, hình thành các nguồn thu mới; từng bước tăng dần mức thu tương ứng với mức độ hưởng lợi từ môi trường hoặc mức độ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước, tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường.

6. Thúc đẩy hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

Coi trọng vấn đề môi trường trong đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương, đặc biệt trong hợp tác xuyên Thái Bình Dương; đẩy mạnh thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) liên quan đến dịch vụ môi trường; thu hút đầu tư nước ngoài cho bảo vệ môi trường, đồng thời xây dựng năng lực cung ứng dịch vụ môi trường để đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động ra các nước trong khu vực.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn lực cho bảo vệ môi trường; chủ động, sáng tạo trong việc đề xuất các sáng kiến hợp tác quốc tế; tham gia, tổ chức thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới, các tổ chức quốc tế trong việc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học chung biên giới và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.3.2. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Thiết lập và sử dụng các công cụ quản lý môi trường như: Công cụ Luật pháp và chính sách; Công cụ kinh tế và Công cụ kỹ thuật để thực hiện các mục tiêu, triển khai thực hiện các chính sách và chiến lược Môi trường. Bao gồm:

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác bảo vệ môi trường nông thôn. Thực tế cho thấy ở nhiều nơi, cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thấy những tác hại lớn của ô nhiễm môi trường nông thôn nên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa quyết liệt, việc kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. Vấn đề bảo vệ môi trường tuy được nghe định kỳ hàng tháng cùng với các nội dung khác trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền song chưa có các nghị quyết, nội dung chuyên đề về bảo vệ môi trường. Thực trạng đó đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác bảo vệ môi trường, phải xác định đây là một trong những vấn đề trọng tâm, nhiệm vụ rất quan trọng ở địa phương; hàng tháng nghe các cơ quan chức năng báo cáo thực trạng môi trường, cho ý kiến chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhất là trong các hoạt động thu gom, xử lý rác thải, cần đánh giá sát sao hiệu quả hoạt động của tổ thu gom hay hợp tác xã vệ sinh môi trường, chấn chỉnh những hạn chế; chỉ đạo công tác tuyên truyền và nhân rộng các mô hình về bảo vệ môi trường điển hình về bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở hoạt động của tổ thu gom, hay hợp tác xã vệ sinh môi trường; chỉ đạo ưu tiên và sử dụng có hiệu quả ngân sách cho bảo vệ môi trường. Để làm được điều đó đòi hỏi cấp ủy, chính quyền địa phương cần sâu sát địa bàn cơ sở, thôn dân cư, lắng nghe ý kiến của nhân dân, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường. Những năm qua, công tác tuyên truyền tuy được quan tâm, nhưng chưa thường xuyên, liên tục, hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa có trọng tâm, trọng điểm; chủ yếu là dựa vào các tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng chứ địa phương chưa chủ động trong công tác tuyên truyền nên chưa tác động mạnh mẽ đến nhận thức của nhân dân. Điều đó đòi hỏi các địa phương cần đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác bảo vệ môi trường nông thôn. Việc tuyên truyền cần phải thường xuyên, liên tục, ngoài các tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, cấp ủy, chính quyền địa phương cần chỉ đạo hệ thống truyền thanh biên tập các tài liệu, tin bài về công tác bảo vệ môi trường, định kỳ phát trên hệ thống truyền thanh xã. Ở địa phương không có nhiều điều kiện để tham quan, học tập các mô hình về bảo vệ môi trường ở các địa phương, cấp ủy, chính quyền địa phương cần chú trọng việc nhân rộng các mô hình ngay tại địa phương về bảo vệ môi trường, kịp thời biểu dương các mô hình, điển hình cũng như phê phán các tổ chức, cá nhân gây mất vệ sinh môi trường.

Tăng cường huy động nguồn lực phục vụ công tác bảo vệ môi trường: Trong điều kiện hiện nay, nguồn kinh phí dành cho sự nghiệp bảo vệ môi trường còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn hiện nay, nhất là đối với các xã địa bàn rộng, dân cư đông, nguồn thu trên địa bàn hạn chế. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền địa phương cần triển khai đồng bộ các biện pháp huy động sự tham gia của doanh nghiệp, của người dân đóng góp nguồn lực phục vụ việc thu gom, xử lý rác thải, xây dựng khu chứa, bãi chôn lấp, xử lý rác và trực tiếp tham gia bằng các hoạt động vệ sinh, bảo vệ môi trường. Điển hình như một số đoàn thể ở một số địa phương đã xây dựng các mô hình như ngày thứ bảy làm sạch đường làng ngõ xóm,

đoạn đường tự quản, huy động sức đóng góp của nhân dân để làm sạch môi trường cũng là một cách thức để huy động nguồn lực xã hội. Do đó, chúng ta không bó hẹp việc huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường chỉ ở các nguồn kinh phí đóng góp hay ngân sách cấp trên hỗ trợ, mà nguồn huy động này sẽ rất lớn nếu khơi dậy nội lực trong nhân dân thông qua các mô hình bảo vệ môi trường nông thôn. Sử dụng nguồn lực của Nhà nước về bảo vệ môi trường chủ yếu để phục vụ công tác tuyên truyền, quản lý, chỉ đạo các hoạt động về bảo vệ môi trường.

Chính quyền các cấp cần tăng cường chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn, khu dân cư, hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường không để xảy ra vi phạm gây ô nhiễm môi trường. Bảo đảm việc chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường ở các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị và doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Rà soát, kiểm tra các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ các ngành nghề đã và đang hoạt động trong việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường theo quy định. Tổ chức kiểm tra, xử lý, yêu cầu khắc phục và bồi thường thiệt hại đối với các hộ gia đình, cá nhân, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần đề ra những chiến lược, chính sách phù hợp với khả năng và điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước, thúc đẩy, khuyến khích mọi người, mọi cơ quan đoàn thể tích cực tham gia công cuộc cải thiện và bảo vệ môi trường. Mỗi quốc gia đều có hệ thống các chính sách, chiến lược phát triển riêng của mình. Đây là công cụ để chỉ đạo toàn bộ hoạt động phát triển kinh tế xã hội cũng như BVMT. Rõ ràng chính sách phát

triển có quan hệ mật thiết với chiến lược BVMT. Nếu tách rời chúng thì không thể thực hiện tốt việc phát triển cũng như BVMT. Chính vì vậy chúng ta xét các chính sách, chiến lược này như một thể thống nhất. Trong khi chính sách xác định rõ mục tiêu phát triển, BVMT và định hướng hoạt động thì chiến lược cụ thể hóa và tìm phương thức, nguồn lực để có thể đạt được mục tiêu.

1.3.3. Thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về môi trường

Điều 159, 160, 161, 162 Luật bảo vệ môi trường 2014 quy định cụ thể như sau:

Trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường:

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên phạm vi cả nước.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở, dự án, công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

Xử lý vi phạm:

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật

hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp về môi trường:

Nội dung tranh chấp về môi trường gồm:

- Tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường;
- Tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;
- Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.

Các bên tranh chấp về môi trường gồm:

Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau;

Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt hại về môi trường.

Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường:

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.

1.4. Kinh nghiệm của các nước trong việc quản lý nhà nước về môi trường

1.4.1. Kinh nghiệm Quản lý nhà nước về môi trường của Singapore

Không phải ngẫu nhiên mà Singapore trở thành một quốc đảo sạch vào bậc nhất thế giới. Chính từ những bài học đắt giá về hậu quả do sự phát triển công nghiệp mạnh mẽ làm gia tăng ô nhiễm không khí, rồi chất thải lỏng và chất thải rắn làm môi trường xuống cấp rõ rệt vào ba bốn thập kỷ trong thế kỷ trước, đã làm quốc đảo này sớm tỉnh ngộ. Không có con đường nào khác là phải tự mình thực hiện tốt các chương trình bảo vệ môi trường.

Nhìn một cách toàn diện, chưa có nước nào có được môi trường đô thị tốt hơn Singapore. Đó là do quốc đảo này đã có một chiến lược quản lý môi trường hợp lý, thực hiện tốt kế hoạch hoá việc sử dụng đất đai, biết kiểm soát kế hoạch xây dựng và phát triển đô thị. Và điều quan trọng là đặc

biệt chú trọng quản lý hạ tầng cơ sở, đi đôi với việc ban hành luật và kiểm tra giáo dục nghiêm ngặt.

Xây dựng một chiến lược quản lý môi trường hợp lý. Chiến lược bảo vệ môi trường đô thị của Singapore gồm 4 thành phần: phòng ngừa, cưỡng bách, kiểm soát và giáo dục. Phòng ngừa ô nhiễm thông qua kế hoạch sử dụng đất đai hợp lý, chọn địa điểm công nghiệp thận trọng, kiểm soát gắt gao việc phát triển xây dựng, tăng cường trang bị phương tiện thu gom và xử lý chất thải. Một khi đã thực hiện biện pháp phòng ngừa thì bắt buộc kiểm tra nghiêm ngặt nhằm đảm bảo các phương tiện thu gom và xử lý chất thải được khai thác và

bảo trì hợp lý. Việc kiểm soát thường xuyên môi trường không khí và nước trong đất liền và nước biển cũng được thực hiện để tiếp cận các chương trình kiểm tra ô nhiễm môi trường một cách đầy đủ và có hiệu quả.

Thực hiện tốt kế hoạch hoá sử dụng đất đai. Đất đai sử dụng vào các mục đích khác nhau phải được bảo vệ nhằm thực hiện phát triển xã hội và kinh tế đồng thời duy trì một môi trường có chất lượng cao. Việc kiểm soát môi trường được kết hợp trong kế hoạch sử dụng đất đai, tạo điều kiện chọn vị trí hợp lý cho công trình, hài hoà với việc sử dụng đất xung quanh để tạo nên một môi trường lành mạnh.

Khi kiểm soát môi trường, thường kết hợp xem xét vấn đề về lưu vực trữ nước và chọn địa điểm xây dựng công nghiệp. Do vậy, đã giải quyết tốt vấn đề thoát nước chung và giải quyết thích đáng mâu thuẫn giữa phát triển khu công nghiệp và ô nhiễm môi trường khu dân cư. Để chỉ đạo tốt việc lập kế hoạch sử dụng đất đai, đã phân loại công nghiệp theo mức độ sạch, đồng thời chú ý đến việc bố trí các công năng tương thích khác như công trình thương mại, giải trí, công viên, đường sá, bãi đỗ xe bên trong vùng đệm của khu công nghiệp. Nhằm giảm thiểu những nguy hiểm trong việc xử lý các chất độc hại, đã đưa các nhà máy sử dụng nhiều hoá chất ra các hòn đảo khác hoặc bố trí thật xa khu đất ở.

Kiểm soát chặt chẽ kế hoạch xây dựng và phát triển đô thị. Khi kiến nghị về phát triển xây dựng đã được duyệt và đưa vào kế hoạch, đơn vị chủ trì có thể bắt tay vào việc đệ trình kế hoạch xây dựng cho Ban kiểm tra xây dựng của Vụ Công chính để xét duyệt. Bên cạnh thủ tục và kế hoạch xây dựng, đơn vị chủ trì còn phải gửi kế hoạch cho các Vụ Quản lý kỹ thuật, trong đó có Vụ Kiểm soát ô nhiễm để giải quyết những yêu cầu kỹ thuật. Vụ này kiểm tra các kế hoạch phát triển xem có phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về y tế môi trường, thoát nước và kiểm soát ô nhiễm, đồng thời xác nhận sự hợp lệ của các kết

quả đo kiểm ô nhiễm kết hợp ngay trong thiết kế công trình. Ban phát triển đô thị và nhà ở phải được sự nhất trí của Vụ này trong việc lựa chọn địa điểm xây dựng công trình công nghiệp. Vụ này đánh giá tác động môi trường của những công trình công nghiệp kiến nghị xây dựng, khi thấy đảm bảo an toàn về y tế và đảm bảo tiêu chuẩn môi trường mới cho phép xây dựng.

Chú trọng quản lý hạ tầng cơ sở môi trường. Hai vấn đề lớn được chú trọng mà cũng là thành công lớn ở Singapore là quản lý hệ thống thoát nước và quản lý chất thải rắn. Đó là việc cung cấp hệ thống thoát nước toàn diện để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và tổ chức một hệ thống quản lý chất thải rắn rất có hiệu quả.

Hệ thống thoát nước ở Singapore phục vụ tất cả các công trình công nghiệp và hơn 97% khu vực dân dụng. Hầu hết nước thải đều đưa ra hệ thống thải công cộng. Nước thải công nghiệp đều được xử lý và đạt tiêu chuẩn quy định trước khi đưa vào mạng đường ống chung. Nước chảy từ các nhà máy xử lý nước thải đều đưa ra biển hoặc các cửa sông.

Về quản lý chất thải, Singapore có một hệ thống thu gom rác thải hoàn thiện và có hiệu quả. Mọi chất thải rắn đều được thu gom và xử lý hàng ngày. Để thu gom hàng ngày, cần phải xử lý các chất thải hữu cơ bị thối rữa. Dịch vụ thu gom chất thải rắn đô thị đáng tin cậy và đã áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành. Vì ở quốc đảo này đất đai khan hiếm nên hầu như các chất thải rắn đều phải thiêu đốt. Đối với các chất thải không thể đốt được và tro từ các nhà máy đốt rác sẽ được xử lý tại bãi thải vệ sinh lớn. Chất đã làm sạch từ bãi này lại được thu gom và xử lý trước khi thải ra biển.

Ban hành luật lệ và giáo dục nghiêm ngặt. Ban hành luật lệ ở Singapore đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát ô nhiễm để bảo vệ môi trường. Các biện pháp nêu trong Luật thường xuyên được xem xét định kỳ để bổ sung cho chặt chẽ và hợp lý hơn.

Vụ Kiểm soát ô nhiễm phải thường xuyên thanh tra các khu công nghiệp và dân dụng để đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu kiểm soát ô nhiễm. Lấy mẫu để xử lý, thử nghiệm nguồn, phân tích lò, quan trắc bụi khói là những việc làm thường xuyên và bắt buộc để phòng ngừa các vi phạm.

Sự nhận thức của cộng đồng về môi trường là yếu tố quan trọng nhất làm cơ sở để duy trì và phát triển thích hợp cho Singapore về môi trường đô thị. Tại đây, người ta đã thực hiện nhiều chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của quần chúng về môi trường và động viên họ tham gia tích cực vào việc bảo vệ và giữ gìn môi trường.

Các chương trình giáo dục về môi trường bao gồm từ tiểu học, trung học đến đại học. Thiếu nhi cũng tham gia vào các chuyến tham quan về bảo vệ thiên nhiên, làm quen với trang thiết bị xử lý và tái chế chất thải. Các trường học cũng tổ chức nhiều cuộc triển lãm để tuyên truyền về nhận thức môi trường và tái chế chất thải. Bộ Môi trường thường xuyên làm việc với các tổ chức xã hội để thực hiện những chiến dịch giáo dục tới tận các cộng đồng dân cư, tới công chức và khu vực tư nhân.

1.4.2. Kinh nghiệm Quản lý nhà nước về môi trường của Nhật Bản

Ở Nhật Bản, Luật Môi trường cơ bản đề ra những nguyên tắc và định hướng chung cho việc xây dựng các chính sách môi trường đã được ban hành vào tháng 11 năm 1993. Tháng 12 năm đó, Chương trình hành động quốc gia để thực thi Agenda 21 đã được đệ trình lên Liên Hợp Quốc. Một năm sau, vào tháng 12/1994 một kế hoạch hành động đã được phê duyệt, đó là Kế hoạch Môi trường cơ bản, đã trở thành một biện pháp quan trọng do Luật môi trường cơ bản đưa ra. Kế hoạch này quy định rõ một cách hệ thống là cấp quốc gia, chính quyền địa phương, tập thể và cả cá nhân, cần thiết phải thực hiện các biện pháp, các hành động nào vào đầu thế kỷ 21. Nó cũng xác định những vai trò của các bên liên quan, những cách thức, biện pháp đề ra một

cách hữu hiệu các chính sách về môi trường.

Hơn nữa, Cơ quan Môi trường Nhật bản đang tích cực đề ra các biện pháp hỗ trợ, trong đó có cả biện pháp được thiết kế nhằm hỗ trợ cho việc chuyển giao công nghệ thích hợp thông qua "Trung tâm quốc tế Công nghệ Môi trường của UNEP", là cơ quan đầu mối nhằm bổ sung và tăng cường hệ thống ODA cho việc phát triển bền vững ở các nước đang phát triển.

Theo số liệu của Cục Y tế và Môi sinh Nhật Bản, hàng năm nước này có khoảng 450 triệu tấn rác thải, trong đó, phần lớn là rác công nghiệp (397 triệu tấn). Trong tổng số rác thải trên, chỉ có khoảng 5% rác thải phải đưa tới bãi chôn lấp, trên 36% được đưa đến các nhà máy để tái chế. Số còn lại được xử lý bằng cách đốt, hoặc chôn tại các nhà máy xử lý rác. Chi phí cho việc xử lý rác hàng năm tính theo đầu người khoảng 300 nghìn Yên (khoảng 2.500 USD). Như vậy, lượng rác thải ở Nhật Bản rất lớn, nếu không tái xử lý kịp thời thì môi trường sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Nhận thức được vấn đề này, người Nhật rất coi trọng bảo vệ môi trường. Trong nhiều năm qua, Nhật Bản đã ban hành 37 đạo luật về bảo vệ môi trường, trong đó, Luật "Xúc tiến sử dụng tài nguyên tái chế" ban hành từ năm 1992 đã góp phần làm tăng các sản phẩm tái chế. Sau đó, Luật "Xúc tiến thu gom, phân loại, tái chế các loại bao bì" được thông qua năm 1997, đã nâng cao hiệu quả sử dụng những sản phẩm tái chế bằng cách xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan. Hiện nay, tại các thành phố của Nhật Bản, chủ yếu sử dụng công nghệ đốt để xử lý nguồn phần rác thải khó phân hủy. Các hộ gia đình được yêu cầu phân chia rác thành 3 loại: Rác hữu cơ dễ phân hủy, được thu gom hàng ngày để đưa đến nhà máy sản xuất phân compost, góp phần cải tạo đất, giảm bớt nhu cầu sản xuất và nhập khẩu phân bón; loại rác không cháy được như các loại vỏ chai, hộp... được đưa đến nhà máy phân loại để tái chế; loại rác khó tái chế, hoặc hiệu quả không cao, nhưng cháy được sẽ

đưa đến nhà máy đốt rác thu hồi năng lượng. Các loại rác này được yêu cầu đựng riêng trong những túi có màu sắc khác nhau và các hộ gia đình phải tự mang ra điểm tập kết rác của cụm dân cư vào giờ quy định, dưới sự giám sát của đại diện cụm dân cư. Đối với những loại rác có kích thước lớn như tủ lạnh, máy điều hòa, ti vi, giường, bàn ghế... thì phải đăng ký trước và đúng ngày quy định sẽ có xe của Công ty vệ sinh môi trường đến chuyên chở.

Nhật Bản quản lý rác thải công nghiệp rất chặt chẽ. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại Nhật Bản phải tự chịu trách nhiệm về lượng rác thải của mình theo quy định các luật về bảo vệ môi trường. Hiện nay, Nhật Bản đang hướng tới lộ trình thực hiện Page Content “Nền kinh tế sạch”, “Kinh tế các bon thấp” và phát triển “Nền kinh tế xanh” bằng việc tích cực thực hiện theo xu hướng giảm thiểu các bon thông qua Nghị định thư Kyoto và nằm trong hệ thống kinh tế toàn cầu của Nhóm các nước công nghiệp phát triển (OECD). Đồng thời phát động chiến lược tăng trưởng mới, tập trung vào 02 ngành công nghiệp: Môi trường và năng lượng; Y tế, với tổng vốn đầu tư dự kiến đạt tương đương 01 triệu tỷ Yên vào năm 2020.

Ngoài ra, Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương, cũng như nhân dân Nhật Bản rất nỗ lực trong việc làm sạch môi trường. Tại Nhật, có hàng nghìn tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực môi trường, hàng trăm ấn phẩm chuyên về môi trường, về xử lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học. Ở các dãy phố, trên các phương tiện thông tin đại chúng trên đất nước Nhật, đều quảng bá các thông điệp về bảo vệ môi trường, đã tác động đến nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân Nhật Bản về tình yêu đối với môi trường và cuộc sống.

Đặc biệt, Nhật Bản coi trọng chính sách giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Hành vi đạo đức sinh thái cao nhất, hoàn hảo nhất, bao trùm nhất thể hiện qua sự tự giác của người Nhật trong việc

tuân thủ nghiêm ngặt các điều luật đã được ghi rõ trong “Luật bảo vệ môi trường” của Nhật Bản. Các tổ chức bảo vệ môi trường Nhật Bản thường xuyên tổ chức các chương trình nâng cao tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường, như chiếu phim về môi trường, trại sinh thái, hội thảo, diễn đàn... Người Nhật luôn biến việc bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống, như: không sử dụng túi nilon, dùng các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, tắt tắt cả thiết bị điện khi không cần thiết, tái chế tất cả các sản phẩm giấy...

Tại các trường học ở Nhật Bản, các học sinh, sinh viên đều được giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, Nhà trường đã có những bài học, chuyên đề thiết thực, tổ chức những hoạt động thực tế cho các học sinh, sinh viên, nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức bảo vệ môi trường như: hoạt động dã ngoại, hoạt động đội, nhóm... Những chương trình, sân chơi về môi trường đã chú trọng hơn vào những hoạt động thực tế, mang tính hành động, thay vì dừng lại ở công tác tuyên truyền đơn thuần.

Tiểu kết Chương 1

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, ta thấy rằng tài nguyên môi trường có tầm quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc trong quá trình phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Ở nước ta vấn đề này đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Trong các năm qua, kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 có hiệu lực thi hành và Luật Bảo vệ môi trường mới nhất năm 2014 (đã được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại phiên họp ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Kỳ họp thứ 7, gồm có 20 chương, 170 điều (tăng 05 Chương và 34 điều so với Luật bảo vệ môi trường năm 2005), hệ thống luật pháp nước ta về tài nguyên môi trường ngày càng được hoàn

thiện để đáp ứng các yêu cầu phát triển KT-XH, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước; thực hiện những mục tiêu và nội dung về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững mà Đảng đã đề ra.

Tại các quốc gia khác trên thế giới, hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã và đang được chú trọng. Một số quốc gia cũng đã gặt hái được những thành công nhất định trong hoạt động bảo vệ tài nguyên môi trường. Bên cạnh đó, cũng có không ít quốc gia đã phạm vào những sai lầm, khó khăn khi thực hiện hoạt động quản lý. Học tập những bài học kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và các địa phương khác trong nước cũng là một nội dung trong việc mở rộng quan hệ phối hợp bảo vệ tài nguyên môi trường trong chiến lược bảo vệ tài nguyên môi trường quốc gia ở địa phương.

Trước những vấn đề đó, nâng cao hiệu quả hoạt động QLNN về tài nguyên môi trường cũng là một yêu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay./.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Hiện trạng môi trường của quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

2.1.1. Hiện trạng môi trường nước

Nhìn chung hiện trạng môi trường nước trên địa bàn quận Hải Châu đều tương đối tốt về chất lượng nước cho các mục đích sử dụng khác nhau như: Tiêu chuẩn Việt Nam về nước mặt, Quy chuẩn Việt Nam đối với chất lượng nước ngầm, hay quy chuẩn đối với nước phục vụ mục đích sinh hoạt...

- Môi trường nước mặt

Nước mặt trên địa bàn quận chủ yếu tồn tại ở một số hồ, điển hình như: Ở một số ao hồ trên địa bàn quận trong những năm gần đây có hiện tượng bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguyên nhân ô nhiễm chủ yếu của tầng nước mặt là do rác thải, mùi hôi và nước thải sinh hoạt. Đặc biệt là nước thải sinh hoạt của người dân chưa qua xử lý mà được đổ trực tiếp ra ao, hồ trên địa bàn quận.

Ở quận Hải Châu, khu vực trung tâm của thành phố, diện tích mặt nước đã giảm đáng kể trong thời gian quan. Việc lấp các hồ tự nhiên gây ngập úng đáng lo ngại trong khu vực trung tâm. Từ năm 2005, UBND thành phố đã có quyết định phân cấp quản lý và bảo vệ môi trường các hồ, đầm. Theo đó, các địa phương, đơn vị được giao quản lý tiến hành xã hội hóa trong khai thác dịch vụ và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên do trong quá trình xã hội hóa để chọn đơn vị quản lý các hồ, kiểm soát không tốt, nên các đơn vị dịch vụ không chú trọng đến hoạt động bảo vệ môi trường ở các đầm, hồ gây ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nước.

Hiện nay các hồ trên địa bàn quận chưa có hệ thống thu gom nước thải, nên lượng nước thải đô thị có xả trực tiếp vào hồ. Vào mùa nắng nóng, có thể

xảy ra các chết nổi bề mặt, mùi hôi phát sinh và gây mất mỹ quan trong khu vực nội thành (Trên địa bàn quận hiện nay, có 01 điểm nóng ô nhiễm môi trường về mùi hôi tại khu vực đầu cầu Hòa Xuân, phường Hòa Cường Nam nguyên nhân là do khu vực này ở vào điểm cuối xả thải của Trạm xử lý nước thải Hòa Cường)

Trên địa bàn, tỷ lệ đầu nổi nước thải sinh hoạt của hộ dân vẫn còn thấp, nên một lượng nước thải lớn thải trực tiếp vào các hồ. Ngoài ra, do sự phát triển các khu dân cư mới, hệ thống hạ tầng chưa hoàn chỉnh, nên nước thải không được thu gom về Trạm xử lý mà thải trực tiếp vào hồ.

Ngoài ra do ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận dân cư sống xung quanh các hồ, dân còn hạn chế, như: vứt rác, xác súc vật chết xuống hồ.

- Nước sạch VSMT

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng số phường	phường	13	13	13	13	13
2	Tổng số phường ven biển	phường	02	02	02	02	02
3	Tổng số hộ	hộ	48.500	49.237	49.890	50.758	51.125
4	Tổng số hộ ven biển	hộ	8.691	10.063	10.159	10.304	10.392
5	Tổng số hộ được sử dụng nước sạch	hộ	46.668	47.038	48.150	49.320	50.253
6	Tổng số hộ có công trình vệ sinh	hộ	46.865	46.968	47.850	48.820	49.253
7	Tình hình sử dụng nước sạch						

	<i>Nước máy có nhà máy riêng (VR)</i>	<i>hộ</i>	43.682	44.237	45.590	46.958	48.625
--	---	-----------	--------	--------	--------	--------	--------

Nhìn chung, chất lượng nước ngầm tại địa bàn quận vẫn có thể đưa vào khai thác sử dụng. Để đảm bảo nguồn nước sạch cần tăng cường các hoạt

động kiểm soát các nguồn nước thải vào sông hồ, hoàn thiện hạ tầng thoát nước đồng bộ, đồng thời cắt các nguồn thải cho xả trực tiếp hoặc xử lý không đạt yêu cầu vào nguồn nước mặt; Quản lý chặt chẽ, nhất là xã hội hóa hoạt động dịch vụ và bảo vệ môi trường các hồ để ngăn chặn các ô nhiễm hữu cơ, gây mùi hôi...

2.1.2. Hiện trạng về môi trường không khí

Các tác nhân chính có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí của quận được tổng hợp trong bảng sau:

Thứ tự	Tác nhân
1	Khí thải từ các hoạt động giao thông
2	Nguồn thải từ hoạt động xây dựng
3	Tác nhân bên khác

Nhìn vào bảng tổng hợp chúng ta nhận thấy: Các tác nhân gây ô nhiễm của quận Hải Châu cũng giống với những tác nhân chung gây ô nhiễm cho thành phố Đà Nẵng. Với những nguồn gây ô nhiễm chính là khí thải từ các hoạt động giao thông và nguồn thải từ hoạt động xây dựng.

- Nguồn thải từ hoạt động giao thông

Hoạt động giao thông được xem là một trong những nguồn gây ô nhiễm lớn đối với môi trường không khí đô thị. Cùng với sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, tăng trưởng các phương tiện cơ giới và hành khách là sự phát thải các chất gây ô nhiễm môi trường không khí. “Theo đánh giá của các chuyên gia, ô nhiễm không khí do giao thông chiếm 70% ở các đô thị” (*thực trạng ô nhiễm không khí đô thị ở Việt Nam, GS.TSKH Phạm Ngọc Đăng*). Các chất gây ô nhiễm không khí chủ yếu sinh ra là do khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu động cơ bao gồm: CO, SO₂, NO_x, hơi xăng dầu (VOCs), bụi PM₁₀.... Và bụi so đất cát cuốn bay lên mặt đường phố trong quá trình di chuyển (TSP).

Dù đang trong quá trình đô thị hóa tuy nhiên đại bàn quận vẫn còn một số tuyến đường hành lang, vỉa hè không đảm bảo cho việc bố trí cây xanh. Đây cũng là một trong những nguyên nhân còn tác động lên môi trường không khí hiện nay trên địa bàn quận.

Thời gian qua, một số địa điểm trên địa bàn quận như: ngã tư đường Lê Duẩn – Cầu sông Hàn, Nguyễn Văn Linh – Cầu Rồng, Nguyễn Chí Thanh – Lê Duẩn...thường xuyên bị kẹt xe vào những giờ cao điểm. Đây là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí từ nguồn di động đáng kể của quận trong thời gian qua.

Sự phát thải của các phương tiện cơ giới đường bộ phụ thuộc rất nhiều vào chủng loại và chất lượng phương tiện, nhiên liệu, đường giao thông... không những ô nhiễm môi trường không khí, mà còn phát thải khi nhà kính ảnh hưởng đến khí quyển. Theo tổng kê năm 2013, quận Hải Châu xe ô tô con tăng gần 2.000 chiếc, xe máy tăng gần 20.000 chiếc so với đầu kỳ. Sự gia tăng phương tiện, tỷ lệ không đạt chuẩn về phương tiện cao và đường giao thông chưa đảm bảo sẽ làm cho các yếu tố: tiếng ồn, TSP, CO, NO_x, SO₂.... Trong không khí tăng lên ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe con người thông qua một số bệnh về đường hô hấp, da và tim mạch

- Nguồn thải từ hoạt động xây dựng

Trong thời gian qua cơ sở hạ tầng của quận Hải Châu khá mạnh. Hoạt động xây dựng làm phát sinh bụi và tiếng ồn khá lớn do việc tháo dỡ công trình, vận chuyển vật liệu vẫn diễn ra liên tục.

So với những năm trước, ô nhiễm khói, bụi và tiếng ồn do vận chuyển vật liệu xây dựng đã được cải thiện đáng kể. Song thời gian qua tình trạng không tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, vận chuyển vẫn diễn ra phổ biến, ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe nhân dân.

Ngoài ra, một số hoạt động xây dựng như: sửa chữa nhà cửa, công trình

hạ tầng xây dựng và giao thông, hạ tầng thoát nước, khai khoáng... cũng gây ô nhiễm bụi, tiếng ồn cục bộ tại một số khu vực trên địa bàn quận.

- Các nguồn thải khác

Tại các khu dân cư, tình trạng ô nhiễm bụi còn xảy ra. Nguồn thải chủ yếu do tình trạng vệ sinh mặt đường chưa tốt, còn nhiều bụi, đất.

Tại các hồ trên địa bàn quận tình trạng ô nhiễm mùi hôi do nước hồ bị ô nhiễm vào những thời điểm nắng nóng của mùa khô, ảnh hưởng đến các khu vực dân cư lân cận (Khu vực hồ Đảo Xanh, Kênh hở Khuê Trung – hồ Đào Xu).

2.1.3. Hiện trạng về môi trường đất

Hiện nay, trên địa bàn quận Hải Châu có khoảng 1.345 lô đất trống. Ô nhiễm môi trường tại các lô đất trống là một trong những vấn đề nổi cộm được các cấp lãnh đạo quan tâm chỉ đạo xử lý. Trong thời gian qua, UBND quận ban hành kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 13/5/2014 về việc quản lý các lô đất trống trên địa bàn quận và tăng cường thực hiện các giải pháp như tuyên truyền người dân đổ xà bần, rác thải đúng nơi quy định; triển khai dọn vệ sinh tại một số lô đất tại các tuyến đường trọng điểm; phối hợp với các cơ quan liên quan xác định chủ sử dụng của 446 lô đất trống để làm việc và yêu cầu chủ sử dụng rào chắn, quản lý đất; thành lập và công khai sổ điện thoại đường dây nóng để thuận tiện cho các tổ chức cá nhân thông báo kịp thời khi phát hiện các hành vi đổ xà bần, rác thải và chỉ đạo các lực lượng chức năng thường xuyên tuần tra, giám sát; Tiếp nhận và bàn giao về địa phương quản lý 14 lô đất thuộc thành phố quản lý giao Sở TNMT dọn vệ sinh. Hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án quản lý, sử dụng tạm thời các lô đất vào các mục đích như bãi giữ xe, kinh doanh ăn uống... và có văn bản đề xuất UBND thành đồng ý chủ trương nhằm quản lý tốt môi trường ... nhưng vẫn chưa thể ngăn chặn triệt để có hiệu quả như mong muốn.

2.3.4. Các vấn đề môi trường khác

Ngập úng:

Hệ thống thoát nước của quận chủ yếu là hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải; được triển khai đầu tư qua nhiều giai đoạn với nhiều dự án nên còn tồn tại nhiều bất cập như:

- + Hệ thống thường xuyên bị quá tải do tốc độ phát triển đô thị hóa mạnh. Hiệu quả thu gom và tiêu thoát nước thải còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Hiện tượng ngập úng cục bộ thường xảy ra khi có mưa lớn kéo dài.

- + Một số đoạn cống thu gom nước thải có hiện tượng nứt, võng, nước ngầm xâm nhập gây sụt lún vỉa hè.

- + Hệ thống thoát nước tại quận Hải Châu nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung chủ yếu là hệ thống thoát nước chung. Các cửa thu nước mưa không có cấu trúc ngăn mùi hôi nên tình trạng người dân sử dụng các loại vật liệu lấp cửa thu gây ảnh hưởng đến khả năng thu nước khi trời mưa làm ảnh hưởng tăng nguy cơ ngập úng.

- + Hệ thống thoát nước đầu tư qua nhiều giai đoạn và không đồng bộ về cấu trúc, hình dạng, vật liệu sử dụng...gây khó khăn cho công tác duy tu, bảo dưỡng. Một số hệ thống cống cũ đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa được đầu tư sửa chữa hoặc thay mới.

Thiên tai và biến đổi khí hậu:

- + Đà Nẵng nói chung và quận Hải Châu nói riêng là một trong những nơi bị ảnh hưởng nhiều nhất thiên tai và biến đổi khí hậu, là nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp của nhiều cơn bão, mưa lớn và lũ lụt gây thiệt hại về người và tài sản. Vấn đề ô nhiễm môi trường sau các đợt thiên tai thường xuyên xảy ra nếu không xử lý kịp thời.

Ô nhiễm tiếng ồn:

- + Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2014 của UBND thành

phố Đà Nẵng quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố đã quy định rõ Danh mục 19 ngành nghề không được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư (gọi tắt là không được phép tồn tại trong khu dân cư) và các cơ sở thuộc danh mục này hiện đang hoạt động trong khu dân cư phải cam kết có kế hoạch di dời.

+ Hiện nay, trên toàn địa bàn quận có 152 cơ sở (138 hộ cá thể, 14 Doanh nghiệp tư nhân). Để xây dựng thành công quận Môi trường, thành phố Môi trường vào năm 2020 thì một trong những mục tiêu hàng đầu là di dời tất cả cơ sở này ra khỏi khu dân cư. Quận đã tiến hành rà soát, chỉ đạo địa phương xây dựng kế hoạch về lộ trình vận động, cũng như nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các cơ sở khi buộc phải chuyển đổi ngành nghề hoặc di dời ra khỏi khu dân cư.

+ Thực tế, hầu hết các cơ sở này thuộc ngành gia công cơ khí (rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn) đều là hộ cá thể, quy mô hoạt động nhỏ; là nghề lâu năm của gia đình, số lượng người lao động ít và chủ yếu là người trong gia đình; mặt bằng hoạt động chính là nhà ở của họ; nguồn thu nhập, đảm bảo đời sống của họ chính từ nghề này, do đó rất khó khăn đối với vấn đề này.

2.2. Tình hình quản lý nhà nước về môi trường tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

2.2.1. Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại quận Hải Châu

Tổ chức bộ máy:

Tại quận Hải Châu, hoạt động QLNN về môi trường được giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, có chức năng tham mưu, giúp UBND quận quản lý nhà nước về: tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên

khoáng sản, môi trường; khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ; vệ sinh môi trường; rác thải và văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 16/11/1996 tại kỳ họp thứ 10, khóa IX Quốc hội đã quyết định thành lập thành phố Đà Nẵng là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Ngày 23/01/1997, UBND quận cũng được thành lập. Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, hiện tại, phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hải Châu có 11 người (gồm 01 đồng chí trưởng phòng; 02 đồng chí phó trưởng phòng và 08 cán bộ, chuyên viên và hợp đồng). Tại cấp phường có 13 đồng chí cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm đang làm việc.

Nhiệm vụ cụ thể của phòng Tài nguyên Môi trường:

Trình UBND quận ban hành chế độ và pháp luật của nhà nước về môi trường và nhà đất trên địa bàn quận;

Trình UBND quận quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm về môi trường và nhà đất; tổ chức thực hiện sau khi phê duyệt;

Tổ chức thẩm định và trình UBND quận xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên, môi trường, nhà đất của xã, phường, thị trấn; kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

Trình UBND quận quyết định việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND quận và các tổ chức thực hiện;

Quản lý và theo dõi sự biến động về đất đai, cập nhật đề xuất chỉnh lý các tài liệu về đất đai và bản đồ phù hợp với hiện trạng sử dụng đất theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý các mốc đo đạc, mốc địa giới và giải quyết tranh chấp địa giới

hành chính có liên quan đến đất đai;

Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thống kê, kiểm kê đất đai và hiện trạng môi trường theo định kỳ, lập và quản lý hồ sơ địa chính, quản lý lưu trữ tư liệu tài nguyên, môi trường, nhà đất; xây dựng hệ thống thông tin đất đai;

Hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện bảo vệ tài nguyên nước, môi trường tự nhiên; khắc phục hậu quả gây suy thoái, ô nhiễm môi trường tự nhiên, hậu quả thiên tai;

Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra và phối hợp thanh tra việc chấp hành pháp luật môi trường, nhà đất. Thu thập tài liệu phục vụ công tác quản lý của quận, Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết các tranh chấp về tài nguyên, môi trường, nhà đất theo quy định của pháp luật;

Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và nhà đất đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của Nhà nước;

Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, thông tin về tài nguyên, môi trường, nhà đất;

Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực công tác được giao với UBND quận và Sở Tài nguyên Môi trường;

Bên cạnh phòng Tài nguyên Môi trường, hoạt động quản lý nhà nước về môi trường quận còn có sự tham gia phối – kết hợp của các phòng ban ngành khác:

Phòng Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND quận giao chỉ tiêu kế hoạch các nhiệm vụ chuyên môn và dự toán thu chi ngân sách của ngành, tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp theo đúng quy định nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả, tổ chức thu phí, lệ phí về môi trường theo quy định của pháp luật.

Các phòng khác có liên quan: phối hợp cùng phòng Tài nguyên và Môi

trường thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, ví dụ như: Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đài Phát thanh – Truyền hình phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác tuyên truyền...

Giữa các phòng ban trong tổ chức hệ thống bộ máy QLNN về môi trường có quan hệ tham mưu, hỗ trợ nhau trong hoạt động và thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sử dụng hiệu quả bộ máy quản lý là một công cụ hữu hiệu trong gìn giữ, phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường. Bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được tổ chức theo chiều ngang và chiều dọc, kết hợp theo ngành và theo lãnh thổ.

Ở địa phương, QLNN về môi trường là hoạt động của các đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng QLNN về môi trường. Trên địa bàn quận Hải Châu, hoạt động quản lý môi trường do phòng Tài nguyên và Môi trường phụ trách, đồng thời phòng Tài nguyên Môi trường phối hợp cùng các phòng ban ngành có liên quan tiến hành hoạt động quản lý môi trường ở các lĩnh vực khác nhau. Đây là mối quan hệ song song, vừa hợp tác vừa tham mưu lẫn nhau trong hoạt động.

Mặt khác, phòng Tài nguyên và Môi trường quận còn có trách nhiệm tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố về công tác chuyên môn. Hoạt động quản lý phân theo các cấp, ở các phường cũng có phân công cán bộ phụ trách công tác môi trường. Ưu điểm của quản lý phân theo các cấp là hoạt động bảo vệ môi trường được thông suốt và thống nhất.

Như vậy, việc QLNN về môi trường được thực hiện chặt chẽ từ quận đến phường, có sự tham gia đồng thời của nhiều ban ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác QLMT được sâu sát với từng ngành, từng địa phương. Tuy nhiên, cơ sở vật chất phục vụ công tác QLNN về MT chưa được hoàn thiện,

trình độ năng lực hạn chế, số lượng cán bộ khá mỏng (ở các phường phụ trách công tác môi trường có 01 đồng chí và chủ yếu là kiêm nhiệm) sẽ dẫn đến kết quả là hoạt động này sẽ không thống nhất và mang tính lệ thuộc.

Công tác triển khai, thực hiện việc QLNN về môi trường:

Hàng năm, UBND quận đều tổ chức các buổi tập huấn các văn bản quy định về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho lãnh đạo, cán bộ phụ trách môi trường các phường, hội đoàn thể quận.

Bên cạnh đó, nhằm tuyên truyền bảo vệ môi trường đến mọi người dân, UBND quận còn đa dạng hoá các hình thức hình thức như tổ chức các buổi lễ mítting, ra quân hưởng ứng các ngày lễ môi trường như Ngày Môi trường Thế giới 5/6, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Chủ nhật Xanh-Sạch-Đẹp hàng tuần,..., tổ chức chạy xe tuyên truyền cổ động, diễu hành trên các tuyến phố chính...; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các buổi sinh hoạt tổ dân phố, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các buổi nói chuyện theo chuyên đề như “Đề án thu gom rác thải theo giờ”, “Giữ gìn vệ sinh môi trường theo tinh thần Chỉ thị số 21-CT/TU”, “Phân loại rác thải sinh hoạt hộ gia đình” ...; biên soạn tờ rơi, băng rôn, pano, khẩu hiệu...

Cụ thể số lượng:

Nội dung tuyên truyền	Đơn vị	Năm				
		2011	2012	2013	2014	2015
Phát động, mítting, diễu hành đạp xe tuyên truyền	buổi	3	3	4	5	5
Băng rôn, pano, áp phích	cái	35	45	50	80	90
Tờ rơi	tờ	500	1.000	1.500	2.000	2.200
Hội nghị tập huấn, nói chuyện tuyên truyền	buổi	3	5	15	20	20

Công tác Bảo vệ môi trường:

- Thu gom rác thải

Thực hiện Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 13/4/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt “Đề án thu gom rác thải theo giờ” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, UBND quận đã tích cực phối hợp với Chi cục BVMT, 2 Xí nghiệp Môi trường tổ chức các đợt tuyên truyền, thông báo thời gian đặt thùng, thời gian thu gom cho đối tượng là tổ trưởng tổ dân phố, chi hội phụ nữ khu dân cư... . Đến nay đã thực hiện thu gom rác theo giờ tại 21 tuyến đường chính thuộc quận.

Nhìn chung, người dân đã nắm rõ chủ trương và hưởng ứng nhiệt tình nhưng việc triển khai đề án này còn một số tồn tại như sau:

+ Thùng rác nứt bể, mất nắp nhiều, thiếu vị trí đặt thùng thuận lợi.

+ Công nhân thu gom chưa tích cực vào sâu trong kiệt hẻm lấy rác mà dùng phương thức gõ kèng.

+ Thời gian thu gom rác trong khu dân cư ngắn nên một số hộ dân trong kiệt hẻm sâu không kịp đổ, còn rác rơi vãi tại nơi lấy rác, sau khi lấy rác để thùng không đúng vị trí quy định.

+ Thời gian xe thu gom rác thường xuyên không ổn định, nguyên nhân do số lượng xe ít, hay bị hư hỏng,...

+Xí nghiệp Môi trường hoạt động trên địa bàn quận chịu trách nhiệm thu gom rác và Xí nghiệp vận chuyển rác là 2 đơn vị khác nhau, do vậy việc phối hợp giữa thu gom và vận chuyển chưa đồng bộ, dẫn đến thời gian các thùng rác đầy đặt trên đường gây mất mỹ quan đô thị.

- Để khắc phục các tồn tại trên, trước mắt UBND quận kiến nghị UBND thành phố chỉ đạo Công ty Môi trường Đô thị triển khai thực hiện đặt và rút thùng đúng theo giờ đã thông báo về UBND các phường để thuận lợi cho người dân; Thay thế các thùng rác nứt bể, mất nắp và đặt hàng với thành phố

về việc duy trì vệ sinh tại các tuyến đường như: Thăng Long, Tố Hữu...; Chi đạo Công ty MTĐT thực hiện tốt việc duy trì vệ sinh và thu gom rác thải tại các khu vực giáp ranh giữa 2 quận Thanh Khê và Hải Châu.

Về lâu dài, đề nghị thành phố cho phép quận Hải Châu có cơ chế riêng về thu gom rác thải:

+ Xã hội hoá công tác thu gom rác thải trong khu dân cư: Hiện nay công tác thu gom rác thải trong khu dân cư đang có nhiều bất cập, do vậy nên xã hội hoá công tác thu gom rác trong kiệt hẻm nhỏ. Việc giao công tác thu gom rác trong khu dân cư cho một tập thể hay một cá nhân chịu trách nhiệm sẽ đem lại hiệu quả thu gom cao hơn, lượng rác thu gom triệt để hơn, đồng thời giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho một số đối tượng người dân trong khu dân cư. Công tác thu gom rác ngoài đường phố vẫn do 2 Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1-2 thực hiện.

+ Giao các phương tiện vận chuyển rác về các Xí nghiệp Môi trường Hải Châu hoặc đấu thầu công tác vận chuyển: Để rút ngắn thời gian tồn lưu rác, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị nên phân bổ các xe vận chuyển về cho 2 Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1-2 để tiện trong việc điều hành thu gom rác hoặc tổ chức đấu thầu công tác vận chuyển.

+ Đề xuất UBND thành phố cho quận thành lập Công ty Môi trường đô thị cấp quận trên cơ sở chuyển 2 Xí nghiệp môi trường Hải Châu 1-2 đưa về quận quản lý, đồng thời phân bổ nguồn vốn hoạt động và phương tiện thu gom đi kèm.

+ Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh 2 Trạm trung chuyển xà bần và có cơ chế hoạt động hiệu quả.

Cấp phép và kiểm soát ô nhiễm môi trường:

Hầu hết, các cơ sở do quận cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đều có quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ nên hầu như ít tác động ảnh hưởng đến môi trường.

Còn đối với số liệu cơ sở do Sở Kế hoạch Đầu tư cấp phép đăng ký kinh doanh nhưng UBND quận quản lý về mặt môi trường thì UBND quận không nắm được số liệu. Chủ yếu thông qua các đợt kiểm tra định kỳ hàng năm, tổ chức hướng dẫn cơ sở thực hiện hồ sơ thủ tục môi trường cũng như các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm phát sinh. Nhìn chung, các cơ sở SX-KD-DV khi được tuyên truyền nhắc nhở thì cũng đã tích cực thực hiện, tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn một số cơ sở chưa chấp hành theo quy định, UBND quận đã xử lý vi phạm hành chính 38 trường hợp với tổng số tiền nộp phạt là 145.125.000 đồng từ năm 2011 đến 2014.

- Số liệu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng số cơ sở do cấp quận quản lý về mặt môi trường ngoài KCN, trong đó	CS				
	Cơ sở sản xuất	CS				
	Cơ sở kinh doanh, dịch vụ	CS				
2	Số cơ sở được cấp phép môi trường trên địa bàn quận	CS	80	109	130	90
3	Số cơ sở được kiểm tra, giám sát	CS	35	40	50	25

(Ghi chú: Số liệu cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ không thống kê được).

Một số hạn chế như:

- + Công tác triển khai cấp bản đăng ký cam kết Bảo vệ môi trường còn chậm. Năng lực xem xét hồ sơ để cấp còn nhiều hạn chế.
- + Việc theo dõi quản lý sau khi cấp phép còn chưa chặt chẽ.

2.2.2. Đánh giá chung về quản lý môi trường trên địa bàn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Đối với những nội dung, nhiệm vụ được phân cấp quản lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường, UBND quận đã thực hiện đúng thẩm quyền và hoàn thành

tốt các nhiệm vụ được giao.

Hiện nay 13/13 phường trên địa bàn quận có tổ kiểm tra vệ sinh môi trường, đã thành lập đường dây nóng về trật tự đô thị và vệ sinh môi trường.

Các phường có bộ phận kiểm tra vệ sinh môi trường trong Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị do đồng chí Đội phó chịu trách nhiệm.

Hiện nay, UBND quận đang triển khai thành lập các Đội tuyên truyền môi trường cấp quận và tại 13 phường.

Một số thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lý môi trường:

Thuận lợi:

Sự chỉ đạo của UBND thành phố và sự hỗ trợ, phối hợp tích cực của Sở Tài nguyên – Môi trường, Chi cục bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan như Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng, Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải...

Sự tích cực, chủ động của cơ quan tham mưu là phòng Tài nguyên môi trường trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đạt kết quả tốt cũng như các cơ quan giúp việc khác như phòng Văn hóa thông tin, Đội Kiểm tra quy tắc đô thị,... và sự hỗ trợ của 2 Xí nghiệp Môi trường Hải Châu.

Nhận thức của các cấp lãnh đạo, các tổ chức kinh tế, xã hội và các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường đã được nâng lên, ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực

UBND các phường đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chức năng được phân cấp cho địa phương. Nhiều phong trào quần chúng về bảo vệ môi trường đã được hình thành và phát triển như phong trào “xanh – sạch – đẹp”, “Chiến dịch làm sạch môi trường thế giới”, “Tuần lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường... được đông đảo nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực, nhiều phong trào bảo vệ môi trường đã thu hút, lôi kéo sự tham gia của cả cộng đồng.

Khó khăn:

Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra và có phản ánh của người dân, tập trung ở một số vấn đề chưa xử lý triệt để do thẩm quyền của thành phố, cụ thể như: ô nhiễm mùi hôi tại chân cầu Hòa Xuân; các điểm ngập úng, nạo vét bùn các tuyến công chính...

Sự phối hợp chưa chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan cấp thành phố và quận trong việc tổ chức thực hiện thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở SX-KD-DV trên địa bàn quận, cũng như xử lý ô nhiễm chưa có sự trao đổi thông tin, và giám sát của địa phương...

Đối với một số văn bản pháp quy, quy định mới về bảo vệ môi trường, địa phương vẫn còn lúng túng áp dụng trong thực tế do chưa được tập huấn, hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản này.

Năng lực của cán bộ quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn và kinh nghiệm.

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về môi trường:

Bộ máy QLNN về tài nguyên môi trường còn thiếu về số lượng, trình độ chuyên môn còn hạn chế. Với một khối lượng công việc nhiều và phức tạp, trang thiết bị chưa đầy đủ tạo nên những quá tải trong công việc. Hơn nữa, chế độ phụ cấp còn chưa phù hợp trước tình hình thực tế, những quyền lợi chưa có quy định cụ thể và rõ ràng.

Hệ thống văn bản pháp luật mới chỉ quy định chung bảo vệ môi trường mà chưa có điều khoản và chế tài cụ thể buộc các cơ quan nhà nước, tập thể và cá nhân thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường. Điều đó dẫn đến tình trạng lỏng lẻo trong quản lý. Vấn đề trách nhiệm pháp lý, đặc biệt là trách nhiệm dân sự, hình sự đối với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường chưa được quy định rõ, đầy đủ trong các văn bản hiện hành.

Nguồn kinh phí sự nghiệp chưa đáp ứng đủ cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Số lượng chuyên trách làm công tác môi trường tại các phường còn quá ít không đủ để thực hiện nhiệm vụ.

Tiểu kết chương 2

Quận Hải Châu được xem như là địa bàn chiến lược trọng yếu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. Quận Hải Châu có tiềm năng lớn về phát triển thương mại – Dịch vụ, du lịch, nổi tiếng với những chiếc cầu đẹp mang tầm cỡ của cả nước, những chương trình vui chơi, giải trí của thành phố đều tập trung trên những địa điểm thuộc quận. Đây là một trong những thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của quận trong thời gian qua. Những tiềm năng và lợi thế đó đã và đang tác động tích cực đến sự phát triển của quận về mọi mặt trong thời gian qua. Thực tế cho thấy, sự phát triển kéo theo những vấn đề cần giải quyết về môi trường sống. Các chiến lược, kế hoạch phát triển của quận luôn được xây dựng đi kèm với các mục tiêu bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển của quận nói riêng và thành phố nói chung một cách bền vững.

Nhận thức được vị trí, vai trò quan trọng của môi trường với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định của chất lượng môi trường sống của quận, công tác QLNN đối với môi trường tại quận Hải Châu thời gian qua đã được quan tâm chú trọng và ngày càng hoàn thiện, góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống của nhân dân cũng như để phát triển ngành nghề dịch vụ tại địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận thì trong công tác QLNN vẫn còn những tồn tại, hạn chế tác động không tốt đến môi trường trên địa bàn quận.

Những tồn tại và hạn chế này cần được nghiên cứu để tìm ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả QLNN đối với hoạt động này trong thời kỳ CNH-HĐH hiện nay.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG, BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Quan điểm và mục tiêu quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

3.1.1. Quan điểm quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Xây dựng quận Hải Châu trở thành trung tâm đô thị của Đà Nẵng với qui mô dân số khoảng 261.000 người và phát huy vai trò, vị trí, chức năng là trung tâm giao lưu của Đà Nẵng về thương mại dịch vụ, văn hóa du lịch, khoa học-công nghệ, giáo dục và đào tạo...là địa bàn có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng-an ninh. Quận Hải Châu phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong sự nghiệp CNH-HDH và trở thành đô thị thân thiện với môi trường, xây dựng và áp dụng thành công mô hình chính quyền đô thị.

Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý, nhân lực và kết cấu hạ tầng để phát triển với tốc độ nhanh, bền vững, hiệu quả và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Phát triển KT-XH quận trong sự hợp tác chặt chẽ với các quận, huyện khác trong địa bàn Thành phố.

Đảm bảo phát triển bền vững, phát triển kinh tế gắn liền chặt chẽ với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội. Nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hóa của nhân dân.

Phát triển KT-XH gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên, các tài nguyên thiên nhiên và nhân văn.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với an ninh quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị, trật tự xã hội, xây dựng nền hành chính vững mạnh, hiệu quả.

3.1.2. Mục tiêu quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Mục tiêu của quản lý môi trường là phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Hay nói cách khác, phát triển kinh tế xã hội tạo ra các tiềm lực kinh tế để bảo vệ môi trường, còn bảo vệ môi trường tạo ra các tiềm năng tự nhiên và xã hội mới cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội trong tương lai. Tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hệ thống pháp lý, mục tiêu phát triển ưu tiên của từng địa phương mà mục tiêu quản lý môi trường thay đổi theo thời gian và có những ưu tiên riêng.

Mục tiêu cơ bản của bảo vệ môi trường ở nước ta trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay là: “Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường ở những nơi, những vùng đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.v.v. Theo chỉ thị 36 CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, một số mục tiêu cụ thể của công tác quản lý môi trường Việt Nam hiện nay là:

- Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường trong các hoạt động sống của con người. Trong giai đoạn hiện nay, các biện pháp khắc phục và phòng chống ô nhiễm chủ yếu là:

Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Luật Bảo vệ môi trường về báo cáo đánh giá tác động môi trường trong việc xét duyệt cấp phép các quy

hoạch, các dự án đầu tư. Nếu báo cáo đánh giá tác động môi trường không được chấp nhận thì không cho phép thực hiện các quy hoạch, không triển khai các dự án này.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động, căn cứ vào kết quả của đánh giá tác động môi trường để tổ chức phân loại các cơ sở gây ô nhiễm và có biện pháp xử lý thích hợp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh cần ưu tiên áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, cải tiến và sản xuất các thiết bị tiêu hao ít năng lượng và nguyên vật liệu hơn.

Các khu đô thị, các khu công nghiệp cần phải sớm có và thực hiện tốt phương án xử lý chất thải, ưu tiên xử lý chất thải độc hại, chất thải bệnh viện.

Thực hiện các kế hoạch quốc gia ứng cứu sự cố tràn dầu trên biển, kế hoạch khắc phục hậu quả chất độc hoá học dùng trong chiến tranh, quản lý các chất thải nguy hại và hoá chất độc hại.

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành luật Bảo vệ môi trường. Để thực hiện được mục tiêu này cần quan tâm thực hiện các biện pháp sau:

Rà soát và ban hành các văn bản dưới luật, các quy định về luật pháp khác nhằm nâng cao hiệu lực của luật Bảo vệ môi trường.

Ban hành các chính sách về thuế, tín dụng nhằm khuyến khích việc áp dụng công nghệ sạch.

Thể chế hoá việc chi phí bảo vệ môi trường: thuế môi trường, thuế tài nguyên, quỹ môi trường.v.v.

Thể chế hoá việc phối hợp giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường: trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội phải có các

chỉ tiêu bảo vệ môi trường. Tính toán hiệu quả kinh tế, so sánh các phương án phải tính toán cả chi phí bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương, công tác nghiên cứu, đào tạo cán bộ về môi trường.

Nâng cấp cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đủ sức thực hiện tốt các nhiệm vụ chung của đất nước.

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, vùng lãnh thổ và gắn chúng với hệ thống quan trắc môi trường toàn cầu và khu vực. Hệ thống này có chức năng phản ánh trung thực chất lượng môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ.

Xây dựng hệ thống thông tin tư liệu môi trường quốc gia, quy chế trao đổi và thu thập thông tin môi trường quốc gia và quốc tế.

Hình thành hệ thống cơ sở nghiên cứu và đào tạo cán bộ chuyên gia về khoa học và công nghệ môi trường đồng bộ, đáp ứng công tác bảo vệ môi trường quốc gia và của mỗi ngành.

Kế hoạch hoá công tác bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương, các cán bộ, các ngành.

- Phát triển đất nước theo các nguyên tắc phát triển bền vững được thông qua tại Hội nghị Môi trường do Liên Hợp Quốc tổ chức vào năm 1992 tại Rio

– de Zaneiro (Brazil). Các nguyên tắc đó có thể được tóm lược như sau:

Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng.

Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Bảo vệ sự sống và tính đa dạng sinh học của Trái Đất.

Giữ vững trong khả năng chịu đựng của Trái Đất.

Thay đổi thái độ, hành vi và xây dựng đạo đức mới vì sự phát triển bền vững.

Tạo điều kiện cho các cộng đồng tự bảo vệ lấy môi trường địa phương

của mình.

Tạo ra một cơ cấu quốc gia thống nhất thuận lợi cho việc phát triển bền vững

Xây dựng một xã hội bền vững

Xây dựng mối liên minh toàn thế giới về bảo vệ và phát triển

Xây dựng các công cụ hữu hiệu về quản lý môi trường quốc gia, các vùng lãnh thổ riêng biệt như: Xây dựng các công cụ quản lý thích hợp cho từng ngành, từng địa phương tùy thuộc vào trình độ phát triển. Hình thành và thực hiện đồng bộ các công cụ quản lý môi trường (luật pháp, chính sách, kỹ thuật công nghệ, các chính sách xã hội.v.v.).

3.2. Giải pháp QLNN về môi trường tại quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

3.2.1. Các giải pháp tổng thể

Sau hơn 7 năm thực hiện Đề án “Xây dựng Đà Nẵng – Thành phố môi trường” đến năm 2016, tình hình ô nhiễm môi trường tại thành phố Đà Nẵng nói chung và quận Hải Châu nói riêng đã được cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước, nhiều tiêu chí “Thành phố môi trường” đã đạt được. Đặc biệt trong giai đoạn năm 2011- 2014, lĩnh vực môi trường của quận Hải Châu đã được thành phố thừa nhận đạt được một số kết quả điển hình. Song trong thời gian đến, giai đoạn hoàn thành mục tiêu của đề án của thành phố đề ra và đáp ứng yêu cầu của khu đô thị thân thiện với môi trường, đòi hỏi sớm ban hành các giải pháp thực hiện một cách tổng thể về môi trường, một số kiến nghị:

Căn cứ Đề án “Xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường” đã được UBND thành phố triển khai. Thời gian qua thực hiện đề án chất lượng môi trường và công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn quận Hải Châu đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên để xứng đáng là quận trung tâm của thành phố môi trường, đề nghị UBND thành phố tiếp tục quan tâm hỗ trợ

tạo điều kiện và nguồn lực để quận Hải Châu tiếp tục phát triển theo hướng thân thiện với môi trường.

Để đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa bảo vệ môi trường, nhất là hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn, để huy động nguồn lực tư nhân, xã hội và nhằm chuẩn bị thực hiện cơ chế mô hình “Chính quyền đô thị” trong tương lai.

Tiếp tục triển khai xây dựng các tiêu chí “Khu dân cư thân thiện với môi trường” cụ thể triển khai kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 28/11/2011 của UBND quận Hải Châu về việc xây dựng “Khu dân cư thân thiện với môi trường” kết hợp với việc thực hiện các mô hình “Tổ dân phố không rác”, “Tuyến đường văn minh đô thị ” tại quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 4/6/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành bộ tiêu chí xây dựng các mô hình điểm “Tuyến đường văn minh đô thị”, “Chợ văn minh thương mại”, “Tổ dân phố không rác”.

Vấn đề quan trọng cần được quan tâm là giám sát chất lượng môi trường tức thời và liên tục, trên cơ sở đó đề xuất các chính sách, giải pháp có tính khoa học. Sự cần thiết đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường hiện đại đến năm 2020.

3.2.2. Các giải pháp đối với các vấn đề ưu tiên

3.2.2.1. Giải pháp về quy hoạch

Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch về BVMT là giải pháp cốt lõi, cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn tới trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quận nhằm đảm bảo phát triển bền vững:

Lập quy hoạch bảo vệ môi trường: trước hết, UBND quận cần tập trung xây dựng và ban hành phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của quận. Theo đó các quy hoạch cần cân nhắc về mối quan hệ tác động để xây dựng phù hợp với điều kiện môi trường, đặc điểm kinh tế - xã hội và ngăn ngừa các tác động đến môi trường.

Thường xuyên thực hiện đánh giá môi trường chiến lược và thực thi các giải pháp sau khi được phê duyệt: Đây là hoạt động được tiến hành đồng thời việc lập Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở Báo cáo môi trường chiến lược thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2010 – 2020 đã được phê duyệt, các bộ phận chuyên môn của UBND quận tiếp tục rà soát các giải pháp, lập kế hoạch phân kỳ thực hiện trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận.

Quy hoạch lại các cống rãnh thoát nước thải theo đúng lộ trình, làm cơ sở quản lý, phân kỳ đầu tư hợp lý để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải gây ra tại các khu dân cư.

Phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu quy hoạch các khu vực sản xuất tập trung dành cho quy mô nhỏ và hộ gia đình nhằm từng bước di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

3.2.2.2. Giải pháp về Cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

Năng lực của hệ thống quản lý bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương thời gian qua vẫn còn yếu, chưa đủ sức giám sát và kiểm soát hiệu quả quá trình thực thi pháp luật bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và các đối tượng liên quan. Do vậy, giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường đề nghị là:

Sở Tài nguyên và Môi trường: chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường được quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BVMT-BNV, với các nhiệm vụ chính cho bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, như: thẩm định và cấp phép, kiểm tra và xác nhận sau khi hồ sơ môi trường được phê duyệt, kiểm tra giám sát sau khi đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, hướng dẫn kiểm tra nhập khẩu phế liệu, phòng ngừa ô nhiễm, xác định thiệt hại môi trường, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, quan trắc, xây dựng báo

cáo hiện trạng môi trường, truyền thông, đa dạng sinh học...

Cấp quận, huyện phường, xã: cần tăng cường biên chế cho Phòng Tài nguyên và Môi trường. Mỗi phường, xã có 01 biên chế chuyên trách quản lý môi trường để nâng cao vai trò, hiệu quả quản lý nhà nước ở cấp địa phương.

3.2.2.3. Giải pháp về thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trên cơ sở Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và các văn bản dưới Luật, cần khẩn trương rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành các bản dưới luật; Tiếp tục kiến nghị rà soát, sửa đổi những quy định liên quan trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phù hợp với thực tiễn của địa phương. Nhất là đẩy mạnh việc phân công, phân cấp nhưng tập trung và đi đôi với tăng cường năng lực, nhất là ở cấp cơ sở để phát huy vai trò của các phường.

Để nâng cao hiệu quả phối hợp quản lý môi trường liên ngành, ban hành quy chế phối hợp liên ngành giữa các đơn vị cấp thành phố với cấp quận, huyện. Cần có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan liên quan khi tiến hành thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở SXKDDV cũng như xử lý các điểm ô nhiễm môi trường phát sinh

Để đảm bảo cơ chế thực thi về chia sẻ thông tin môi trường, UBND thành phố cần ban hành cơ chế, quy định chia sẻ, quản lý hệ thống thông tin môi trường để các quận huyện có thể sử dụng,

3.2.2.4. Giải pháp về Tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

Thời gian tới, yêu cầu các phường chi không dưới 1% cho sự nghiệp môi trường trong tổng chi ngân sách sự nghiệp. Trong cơ cấu chi sự nghiệp môi trường, cần đảm bảo theo đúng các nội dung chi được suy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ TN&MT. Một số hoạt động cần đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa, như thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, cây xanh, thoát nước...để giảm tỷ trọng chi ngân sách cho các hoạt động này. Đồng thời gia

tăng ngân sách chi cho các hoạt động: kiểm tra môi trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức; ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường.

Phí, thuế bảo vệ môi trường là một trong những công cụ quan trọng đã được áp dụng trong những năm qua để điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp theo hướng bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, đồng thời tạo thêm nguồn thu cho ngân sách. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần sử dụng nguồn thu này cho hoạt động cải thiện và xử lý môi trường.

Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch thời gian tới cần có sức hút mạnh mẽ hơn để các chính sách này thật sự đi vào cuộc sống.

Trước đây, theo Quyết định số 06/2006/QĐ-UB ngày 25/01/2007 thì lệ phí thẩm định đối với Cam kết bảo vệ môi trường lần đầu 1.400.000 đồng; Cam kết bảo vệ môi trường bổ sung là 700.000 đồng tuy vậy hiện nay theo quy định tại Quyết định số 05/2012/QĐ-UB ngày 24/02/2012 thì hiện nay không thu. Việc không thu phí này, UBND quận *thấy không phù hợp* do quá trình thẩm tra hồ sơ thủ tục môi trường đòi hỏi phát sinh các kinh phí bao gồm văn phòng phẩm, chi phí đi lại kiểm tra, chi phí thuê đơn vị lấy mẫu và phân tích, đo đạc các nguồn chất thải phát sinh để kiểm tra đối chứng... Kiến nghị, thành phố cần sớm nghiên cứu điều chỉnh bổ sung mức quy định lệ phí đối với việc giải quyết hồ sơ môi trường tại cấp quận/huyện với mức đề xuất UBND quận Hải Châu thấy phù hợp là 500.000 đồng – 1.000.000 đồng/hồ sơ.

3.2.2.5. Giải pháp về hoạt động giám sát chất lượng môi trường

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí và chất lượng nước. Có biện pháp kiểm soát ô nhiễm các hồ; kiểm tra, giám sát việc xử lý ô nhiễm tại lòng trạch sông Hàn; Duy trì vệ sinh các hồ trên địa bàn quận.

Để nâng cao năng lực cảnh báo ô nhiễm môi trường các cơ quan, đơn vị

có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, xác định ô nhiễm tiềm năng và thường xuyên giám sát theo thẩm quyền.

Việc kiểm soát tình trạng thoát nước và xử lý nước thải thực hiện bắt buộc tất cả các công trình xây dựng phải đảm bảo kỹ thuật. Nước thải các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ phải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường. Đầu tư nâng cấp, nạo vét thường xuyên các tuyến cống thoát nước.

Đối với việc kiểm soát ô nhiễm môi trường công nghiệp: kiểm tra việc chấp hành các quy định về pháp luật Bảo vệ môi trường, xử lý triệt để đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích sử dụng các nhiên liệu sạch, công nghệ mới. Xây dựng lộ trình, từng bước di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

3.2.2.6. Giải pháp về nguồn lực con người, sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và người dân cần được đặc biệt chú trọng. Cấp bộ ngành Trung ương và thành phố cần ban hành các chính sách khuyến khích sự tham gia bảo vệ môi trường của cộng đồng và xã hội.

Sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường không chỉ tạo thêm nguồn lực tại chỗ cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, mà còn là lực lượng giám sát môi trường nhanh và hiệu quả giúp các cơ quan quản lý môi trường giải quyết kịp thời ô nhiễm môi trường ngay từ khi mới xuất hiện. Do vậy, trong thời gian tới cần có hướng dẫn người dân tham gia phản biện, kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường từ cấp Trung ương; tuyên truyền để nhân dân có nhận thức sâu sắc, đầy đủ về môi trường và phát triển bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ, hành vi của người dân sống thân thiện với môi trường, đặc biệt là đối

tượng học sinh, sinh viên. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp cần giao cho các đoàn thể nhân dân thực hiện nhiệm vụ truyền thông bảo vệ môi trường và phát triển bền vững để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nâng cao năng lực cho các đoàn thể nhân dân để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thông qua các hình thức: Tập huấn nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng làm công tác vận động quần chúng, làm công tác truyền thông; Biên soạn, in, phát hành tài liệu truyền thông và tập huấn; Trang bị máy móc, thiết bị, hình thức thăm quan, trao đổi kinh nghiệm...

Cấp trung ương và địa phương cần ban hành quy định, cơ chế quyền tiếp cận của quần chúng tham gia bảo vệ môi trường về các thông tin: tình hình thực hiện BVMT, các chính sách khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia BVMT, nguồn lực trong và ngoài nước tham gia bảo vệ môi trường hoặc các hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong BVMT.

Tăng cường công tác tham vấn ý kiến của cộng đồng trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3.2.2.7. Các giải pháp về công nghệ

Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ ít phát thải là cần thiết trong lộ trình xây dựng thành phố môi trường. Từng bước ứng dụng công nghệ sản xuất sạch thay thế dần công nghiệp lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Công nghệ xử lý nước thải đô thị trong thời gian tới cần quan tâm đầu tư xây dựng hiện đại. Đồng thời áp dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến trong hoạt động xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan

Rà soát, ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn sau Luật Bảo vệ môi

trường năm 2014, đặc biệt các chính sách nhằm huy động, khuyến khích sự tham gia bảo vệ môi trường của các thành phần trong xã hội.

Để tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý nhà nước về môi trường đến cấp cơ sở, đề nghị Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ bố trí 01 biên chế phụ trách công tác môi trường cấp phường, xã; Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc chất lượng môi trường, có cơ chế kết nối, chia sẻ với cơ quan quản lý môi trường cả nước, hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát chất lượng môi trường và chất thải tập trung trong thời gian tới.

3.3.2. Yêu cầu đối với các Sở, Ban ngành, phường xã

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý môi trường đến cấp phường, xã; Phân đầu không còn cán bộ kiêm nhiệm hoạt động quản lý môi trường.

Phải có chính sách đảm bảo hoàn tất đầu nổi nước thải toàn bộ và đảm bảo xử lý chung đạt yêu cầu trong thời gian đến trên toàn địa bàn thành phố.

Tăng cường thực thi pháp luật về BVMT trên địa bàn, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát chất lượng môi trường trong thời gian đến.

Đề nghị UBND thành phố trong việc tăng cường các điểm quan trắc, tầm suất và kinh phí thực hiện quan trắc môi trường. Đẩy mạnh công tác xử lý các điểm nóng môi trường, thực hiện có hiệu quả đề án thành phố môi trường trong thời gian tới.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, giáo dục môi trường, làm cho ý thức bảo vệ môi trường trở thành thói quen, đi sâu vào nếp sống của mọi tầng lớp trong xã hội.

Tiểu kết Chương 3

Để tiếp tục bảo vệ tài nguyên môi trường, thực hiện tốt hoạt động quản lý nhà nước về môi trường trong thời gian tới, vấn đề đặt ra là làm thế nào để khắc phục những tồn tại, yếu kém đã được chỉ ra, nhất là việc kiện toàn tổ

chức bộ máy... để từ đó nâng cao chất lượng môi trường và hiệu quả hoạt động quản lý môi trường tại địa phương. Từ góc độ QLNN, cần tập trung những giải pháp sau đây:

- Xây dựng và hoàn thiện các thể chế, chính sách về tài nguyên môi trường trên địa bàn;
- Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường;
- Thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên môi trường nói chung và đặc biệt là hoạt động khai thác tài nguyên nói riêng;
- Xã hội hóa công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao nhận thức pháp luật của người dân, phát huy hơn nữa vai trò của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên môi trường, phát huy tính dân chủ trong mỗi hoạt động được thực hiện;
- Tổ chức bộ máy QLNN về tài nguyên và môi trường theo hướng đơn giản và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tế; từng bước kiện toàn, củng cố bộ máy cơ quan quản lý, tăng cường hợp tác các cấp ngành và địa phương.

KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước có nhiều biến động, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu... đã ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập của thành phố nói chung và quận Hải Châu nói riêng, nhưng với vị thế là quận trung tâm của thành phố đô thị loại 1 của Việt Nam, quận Hải Châu đã có bước phát triển khá nhanh về KT-XH. Diện mạo của quận ngày càng khang trang, văn minh, sạch đẹp và đầy sức sống, thể hiện rõ bản chất của một quận năng cộng. Áp dụng các đề án về xây dựng và phát triển môi trường đặc biệt là đề án “Xây dựng Đà Nẵng – Thành phố môi trường” đã tạo nên những hướng phát triển sáng tạo của quận Hải Châu, với mục đích lớn nhất là phát triển KT-XH bền vững và phấn đấu cùng thành phố đạt được thành phố thân thiện môi trường, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng môi trường.

Quản lý nhà nước về môi trường là một nội dung quan trọng trong chiến lược và kế hoạch phát triển bền vững của mỗi địa phương. Nếu không đạt đúng vị trí của bảo vệ môi trường thì không thể đạt được mục tiêu phát triển và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân. Thực tế cho thấy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường là một nhân tố quan trọng đảm bảo cho việc sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý và luôn giữ được môi trường ở trạng thái cân bằng.

Với mục tiêu “Xây dựng Hải Châu – Quận môi trường” vào năm 2020, chiến lược bảo vệ môi trường của quận là bộ phận cấu thành không thể tách rời của chiến lược phát triển KT-XH, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển kinh tế bền vững.

Trong những năm qua chất lượng môi trường của quận Hải Châu nói riêng và thành phố nói chung cũng chịu những sức ép do quá trình phát triển

KT-XH của thành phố Đà Nẵng, việc phát triển đô thị và mở rộng không gian của quận làm ô nhiễm môi trường không khí cục bộ, quy hoạch và phát triển du lịch có nhiều điểm chưa hợp lý ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước và đa dạng sinh học dưới nước. Các hoạt động khác như: Giao thông cũng có những sức ép đáng kể lên môi trường của quận. Tuy nhiên dưới sự quản lý chặt chẽ của các cấp nên chất lượng Môi trường của quận đã được giữ vững và có những bước cải thiện đáng kể so với trước đây. Việc quản lý chất thải rắn của quận khá tốt góp phần xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những thành phố sạch nhất trong cả nước. Cơ sở hạ tầng giao thông và hệ thống thoát nước đã được hoàn thiện theo hướng hiện đại, tình trạng nước thải chưa được xử lý thải ra môi trường đã được hạn chế, ô nhiễm tại các hồ cũng được giảm đáng kể. Nhận thức chung về môi trường của người dân quận Hải Châu được nâng cao, người dân đã tự nguyện và tích cực tham gia các hoạt động BVMT tại các cộng đồng dân cư, từ đó bỏ các thói quen ảnh hưởng xấu đến môi trường. Đặc biệt trong việc thực hiện Luật BVMT, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Đảng, nhà nước trong việc BVMT đã được quận đặc biệt chú trọng thông qua các hình thức tuyên truyền phổ biến, tập huấn, sử dụng các phương tiện thông tin như loa phát thanh, áp phích và tổ chức các buổi mittinh, phát động phong trào BVMT đến các cụm khu dân cư.

Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý môi trường đã được chú trọng thông qua việc mở các lớp đào tạo, tập huấn các kỹ năng chuyên môn... Công tác tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về môi trường đã và đang hoạt động có nề nếp. Bộ máy quản lý từ cấp quận đến các phường đã hoạt động đảm bảo theo quy định và trách nhiệm đã được phân cấp.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác BVMT ở quận Hải Châu vẫn còn nhiều tồn tại: Chất lượng môi trường không khí có cải thiện

hơn so với trước đây, tuy nhiên với dự báo dân số tiếp tục tăng, mở rộng và phát triển đô thị, dịch vụ thương mại là hướng chủ đạo cũng sẽ là áp lực lên môi trường không khí trên địa bàn quận. Tiêu chí cây xanh đô thị đạt yêu cầu so với mục tiêu mà thành phố đề ra nhưng vẫn chưa mang tính bền vững nên quận đã chú trọng đầu tư các công viên ngoài trời, trồng mới nhiều cây xanh tại các khu dân cư trong thời gian gần đây. Các hoạt động khác như xử lý ngập úng, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu... cũng đang từng bước thực hiện.

Từ những tình hình thực tế, dựa vào định hướng phát triển KT-XH trong thời gian đến, xin đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường, từ đó nâng cao chất lượng môi trường tại thành phố Đà Nẵng nói chung và quận Hải Châu nói riêng, góp phần trong việc “Xây dựng Đà Nẵng – Thành phố Môi trường” thành công./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên môi trường (2011), “*Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia 2011 - 2015*”.
2. Bộ Tài nguyên môi trường (2015), *Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*.
3. Bộ Tài nguyên môi trường (2015), *Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại*.
4. Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng (2014), *Báo cáo Công tác quản lý môi trường đô thị giai đoạn 2011 – 2015*.
5. Công ty Thoát nước và xử lý nước thải (2014), *Báo cáo hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố giai đoạn 2011 – 2014*.
6. Công ty TNHH MTV Cấp nước (2014), *Báo cáo tình hình cấp nước sinh hoạt ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2014*.
7. Chính Phủ (2014), *Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định điều kiện của tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường*.
8. Chính Phủ (2015), *Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường*.
9. Chính Phủ (2015), *Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường*.
10. Chính Phủ (2015), *Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*.

11. Chính Phủ (2014), *Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 8 năm 2014 về việc triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường.*
12. Đài khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung Bộ (2014), *Báo cáo tình hình thời tiết ở Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2014.*
13. PGS.TS. Nguyễn Đình Hương – ThS. Nguyễn Hữu Đoàn (2003), “*Giáo trình Quản lý đô thị*”, Nxb Thống kê.
14. Học viện Hành chính Quốc gia (2006), “*Giáo trình Quản lý Nhà nước về Khoa học – Công nghệ và Tài nguyên – Môi trường*”, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn An Thịnh (2005), “*Cơ sở khoa học môi trường*”, Khoa Địa lý – Đại học Khoa học Tự nhiên.
16. NXB Khoa học và kỹ thuật (1984) “*Môi trường và tài nguyên Việt Nam*”
17. PGS. TS. Nguyễn Hồng Thực, “*Sức ép của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam*”, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
18. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 23/6/2014
19. ThS. Trịnh Ngọc Đào (2008), “*Bài giảng Môi trường đại cương*”.
20. Sở Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Báo cáo cung cấp thông tin dữ liệu phục vụ báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2015.*
21. Sở Xây dựng (2014), *Báo cáo cung cấp thông tin dữ liệu phục vụ báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2015.*
22. UBND quận Hải Châu (2014), *Báo cáo hiện trạng môi trường quận Hải Châu giai đoạn 2011 – 2015.*
23. UBND thành phố Đà Nẵng (2016), *Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2015.*
24. Magnard. P (1980), *Địa lí hiện tại, tương lai. Hiểu biết về quả đất, hành*

ting của chúng ta.

25. S.V.Kalesnik (1970), *Các quy luật địa lí chung của trái đất*. M.1970.

Website

26. <http://www.monre.gov.vn> (website của Bộ Tài nguyên và Môi trường),

27. <http://www.nea.gov.vn> (website của Tổng cục Môi trường),

28. <http://www.luatvietnam.vn> (website Luật Việt Nam), diễn đàn

29. <http://yeumoitruong.com>.